

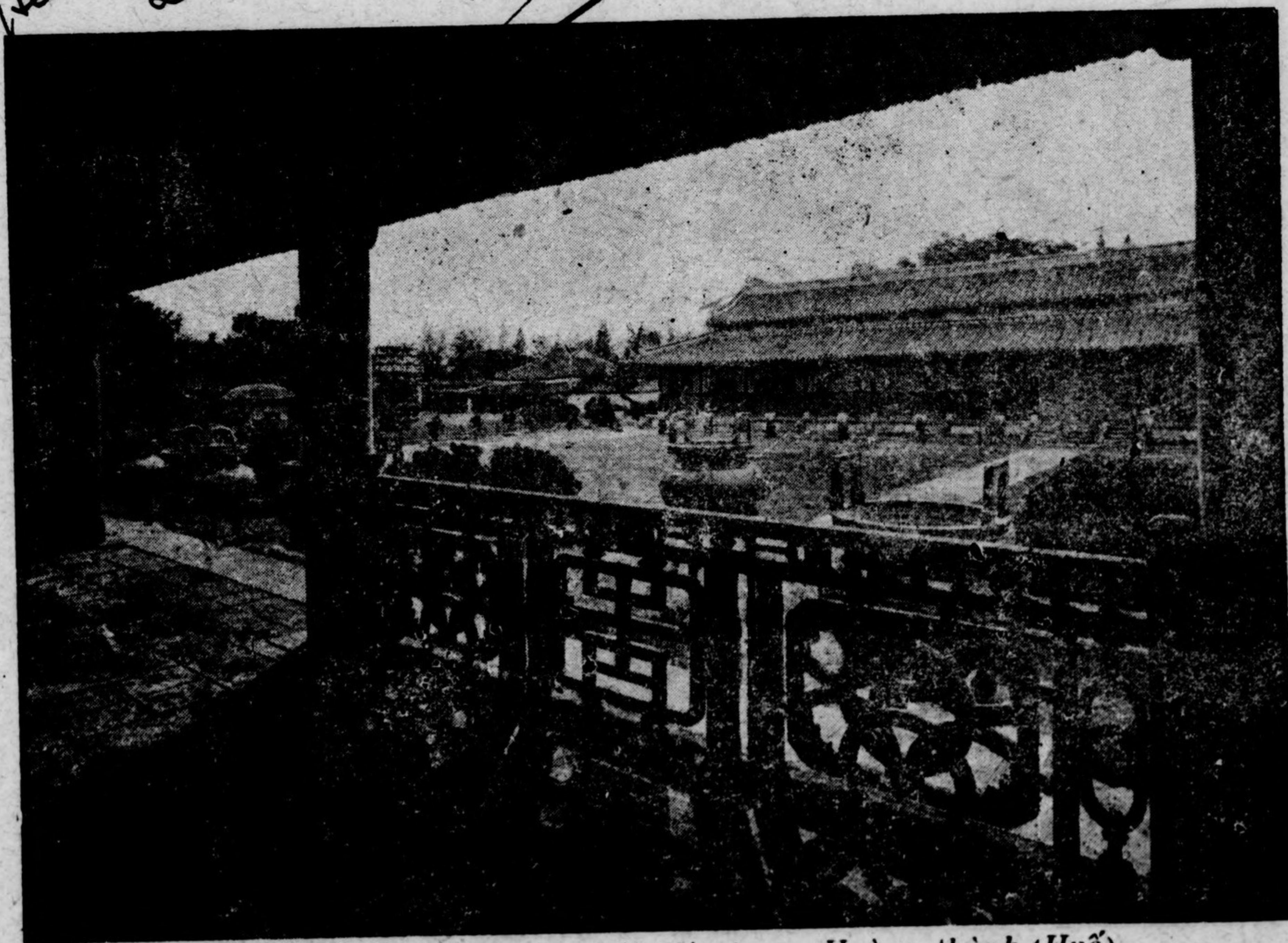
VĂN-HỌC

TẠP CHÍ

*Dépôt légal
Tirage mille deux cents
exemplaires à 12-30
Paris L'Imprimerie*

TO QUẢN CHUYÊN KHẢO CỨU, BAN
SOẠN GIẢNG-GIẢI VỀ QUỐC-VĂN.
MỖI THÁNG RA HAI KỲ: NGÀY 1^o VÀ 15.

DEPOT LEGAL
INDOCHINE
N^o 41001



Thê-Miêu ở bên tả diện Thái-Hòa trong Hoàng-thành (Huế)

MỤC LỤC

Tiếng ta rồi có thành được văn		Mũi tên độc (tiểu thuyết đường rừng)	192
chương không	169	Hoa - Lư kết nghĩa	197
Thi với người	173	Hộp thư	202
Quốc văn binh giảng	175	Tin tức trong làng văn	203
Thi thoại	179	Chinh phụ ngâm dịch ra Pháp-văn.	206
Lược khảo về văn học sử nước ta.	183	Dịch Hán văn	210
Giới thiệu sách mới	188	Vui cười	212
Một ý kiến về sự sửa đổi chữ		Tự học tiếng Anglais	213
quốc ngữ	189	Tự học tiếng Tàu	217

Dày 60 trang

Giá 0\$18

VAN - HOC TAP - CHI

CƠ QUAN CHUYÊN KHẢO, CỨU, BẢN
SOẠN, GIẢNG-GIAI VỀ QUỐC - VĂN.
MỖI THÁNG RA HAI KỲ: NGÀY 1^o VÀ 15.

CHỦ - BÚT: Dương Bá Trạc - CHỦ NHIỆM: Dương-Tụ-Quán

TÒA BÁO: 193, Phố hàng Bông Hanoi. - GIẤY NÓI SỐ: 766

		1 năm	nửa năm
GIÁ BÁO	Bắc Kỳ, Trung-Kỳ, Nam-Kỳ	4\$00	2\$10
	Ai-Lao Cao-Mên	4.50	2.40
	Pháp và ngoại quốc	5.50	2 90
Mua báo xin trả tiền trước			

Ai gửi bài lai cáo hay thư từ gì về việc báo, như mua báo, trả tiền báo, đăng cáo bạch vào báo, vân, vân, xin viết cho ông
Dương-Tụ-Quán CHỦ-NHIỆM BÁO VÁN-Học, 193, hàng Bông Hanoi

CẤM KHÔNG AI ĐƯỢC PHIÊN DỊCH HAY IN LẠI NHỮNG BÀI VÀ ẢNH
TRONG BẢN-CHÍ, TRỪ KHI NÀO BẢN-CHÍ CHỦ-BÚT HAY CHỦ-NHIỆM
CÓ CHO PHÉP THÌ KHÔNG KỂ

Cùng các độc - giả mua 6 số

Theo mấy lời kính cáo trong Ván học số 4, đối với các ngài
gửi giấy mua 6 số thì đến số 8 này là hết hạn Trừ khi
có ngài nào viết thư về báo thời không gửi nữa thì bản
quán mới đình gửi, còn thì bản quán đều coi như các ngài
mua thêm một hạn 6 tháng nữa

Vậy mong các ngài lượng biết và gửi mandat 2\$10 về
giả cho hạn mới này Đa tạ các ngài lắm lắm

V. H. T. C.

VĂN-HỌC TẬP-CHÍ

Tiếng ta rồi có thành được văn-chương không?

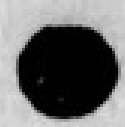
Quốc-văn của ta hiện nay chưa được vọng (1) vào làng văn thế-giới ; cái địa-vị ở trên văn - đàn thế-giới, ta chưa có được một chút giá trị gì. Người ta còn đương chê những là tiếng ta nghèo, tiếng ta không dùng được ; chính người mình cũng có kẻ còn mơ màng trong giấc ngủ học nhờ viết mượn mà tự bĩ chữ mình là nôm-na, tự cho chữ mình là thiếu thốn, người học chữ Hán thì tự tưởng bằng chữ Hán, trứ-thuật bằng chữ Hán, người học chữ tây thì tự tưởng bằng chữ Tây, trứ-thuật bằng chữ Tây mà chưa mấy ai tự tưởng bằng tiếng mình, trứ-thuật bằng tiếng mình cả. Cứ xét về một cái mặt ngoài như thế thì bảo quốc-văn ta phong phú nổi gì, sung-thiệm (2) nổi gì, gì mà chẳng đến tiêu-duyet nay mai. Một thứ tiếng như thế thì ai tưởng gây dựng nên được văn chương gì, xuất sản được văn hào thi bá (3) gì. Một thứ tiếng mà đến không có văn chương thì quyết không mong gì thành lập được

1) Đứng cùng hàng.

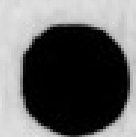
2) Giàu, đủ, hay.

3) Nhà văn có tiếng, nhà giỏi thơ.

một nền học riêng của mình ; trọn đời mạt kiếp, dân trí mình bết tắc (1) vẫn hoàn bết tắc, nhân tài mình dở dang vẫn hoàn dở dang, mà không khéo nòi giống của mình cũng đến theo ngôn-ngữ văn-tự của mình mà cũng có ngày tiêu diệt mất !



Nhưng mà không, không phải thế. Quốc - văn ta mà tự xưa đến giờ sở dĩ phải chịu một cái cảnh - ngộ như thế là toàn bởi cái tình thế bên ngoài khiến nên như thế chứ chẳng có quan hệ gì đến cái chân giá trị (2) của quốc-văn ta. Nghĩ hơn ngàn năm trời ở trong cái vòng khuôn Bắc-thuộc (3), nước mình đã mất hết cái tư cách tự lập, thì tiếng mình còn giữ được cái địa vị tự lập với ai.



Tiếng gọi là tiếng mình mà không có chữ viết, không có thầy dạy, không có sách học, thì cử học hành không kể đến thứ tiếng ấy, văn tự chính thức không dùng bằng thứ tiếng ấy thì bảo làm sao mà chẳng thiếu thốn, chẳng nôm na. Tuy người mình chịu được cái khi bầm tự nhiên, cái di-truyền đặc biệt của một dân tộc, đối với thứ tiếng mình vẫn là không học mà biết, không tập mà hay, nhưng cái tiếng mà đã là cái tiếng cả đời thì cử học hành không kể tới, suốt nước văn tự chính thức không từng dùng thì làm sao mà tư tưởng trừ thuật bằng thứ tiếng ấy được. Người ngoài thì tự xưa đến nay chưa từng thấy thứ tiếng ấy hình ra văn tự, hiện ra sách vở, còn bảo người ta công nhận có một thứ Việt-văn được thế nào. Một con dao sắc đến đâu mà không bao giờ dùng đến thì cũng phải gỉ, một thứ tiếng

1) Lấp lại không mở mang được.

2) Giá trị thực đối với giá trị giả.

3) Thuộc nước Tàu vì nước Tàu ở về phía bắc nước ta.

dù nó vốn không phải là nghèo thật, không phải là không dùng được thật mà chưa bao giờ dùng đến thì làm sao mà phong phú, mà sung thiêm được ngay. Chưa dùng đến bao giờ mà đổ tội cho thứ tiếng nghèo, thứ tiếng không dùng được, khác gì con dao bỏ xó gỉ hổng mà đổ tội cho gỉ hổng tự con dao.

Nay thử xét về một cái mặt trong thì quốc-văn ta không những là không tài nào tiêu duyệt được mà lại có cái sức sinh hoạt mạnh hơn của người nữa. Tiếng nước người ta có chữ viết, có trường dạy, có sách học, suốt cả nước từ trên chí dưới, từ đời nọ truyền đời kia chau chuốt mãi, rèn đúc mãi mới được như thế. Tiếng nước mình không ai nhìn tới, không bao giờ săn sóc tới, bị cái sức áp ức của một thứ chữ vừa thể lực to, vừa truyền bá mạnh là thứ chữ Tàu, mà mười mấy triệu con người tự mấy ngàn năm nay vẫn bảo tồn thừa kế được đề mà cha bảo con nghe, anh dạy em vâng, chồng xướng vợ theo, không hao mòn, không tuyệt duyệt, lại vẫn sinh - sôi nảy nở ra được biết cơ man vạn ức nào là những tài liệu văn chương rất giàu có, chất đầy một cái kho chữ những phương-ngôn tục - ngữ, từ-khúc ca - dao ; lại còn thêm dật nên được những áng văn thơ kiệt tác như gia-huấn ca của ông Nguyễn-Trãi thì kém gì trị gia cách-ngôn của Chu-bá-Lư (1) Iầu, văn-tế cá sấu của ông Hàn-Thuyên thì kém gì văn tế cá sấu của Hàn-Dũ Tàu, tập tao-đàn Hồng-Đức (2) ở đời vua Lê-thánh-Tôn thì kém gì những khúc canh ca, vua tôi họa hát, cùng nhau ở đời Đường-Ngu Tàu, tập thơ bạch-vân-am của ông Nguyễn-bỉnh-Khiêm thì

1) Ông Chu bá Lư có làm bài trị gia cách ngôn để dạy bảo người nhà những cách làm ăn cư xử.

2) Hồng đức là niên hiệu vua Lê-thánh-Tôn. lúc ấy vua cùng các văn thần sùng họa, gọi là tao đàn (đàn thơ) có tập thơ truyền lại gọi là tập tao đàn Hồng-đức.

kém gì tập thơ tình lý của Thiệu Khang-Tiết Tào ; khúc hoài
ram ca của ông Hoàng-Quang, nghe lâm ly thấm thía biết
chừng nào ! Văn tế tướng sĩ của ông Nguyễn-văn-Thành,
nghe cảm động hưng khởi biết bao nhiêu ! Truyện
Chinh-phụ-ngâm, truyện Tần-cung-oán, truyện Kim-vân-
kiều, bao nhiêu người kể vào bậc Hán-văn thâm, Pháp-
văn giỏi cũng đều phải truyền tụng chịu rằng hay. Ấy
tiếng ta có được những áng văn thơ như thế thì cái
giá trị của quốc-văn mình thế nào tưởng không cần
phải nói. Còn ai dám bảo một thứ tiếng như thế mà
là nghèo, mà là không dùng được, mà là không thành
được văn-chương.

Hỡi ai là người cùng giống Việt-nam ta, ai là người
còn biết nói tiếng mẹ đẻ là tiếng Việt-nam ta !
chúng ta nên gắn bó với nhau rằng : Cái giá
trị quốc-văn ta cũng không đến nỗi thua kém gì văn-tự
các nước khác đâu. Ta xưa nay mà chưa gây dựng
được một cái nền văn học của ta, chưa vọng được
vào làng văn trong thế-giới là lỗi tự ta chưa từng dùng
đến quốc-văn ta chứ không phải lỗi quốc văn ta nghèo,
quốc-văn ta không dùng được. Ta chưa từng nhìn đến
quốc-văn ta, sẵn sóc đến quốc-văn ta mà quốc văn ta
cũng đã có được những áng thơ văn như trên kia vừa
kể đó ; nếu ta cố mà chau chuốt, mà rèn đúc quốc văn
ta, thì làm gì mà chẳng cũng có được đủ như văn khố (1)
của Tào, thư viện của Tây, chẳng cũng gây dựng nổi
được một cái nền văn-học của ta cũng có ngày chiếm
được một cái địa vị văn-chương trong thế-giới ư ?

T.

1) Bên Tào có một nơi chứa rất nhiều sách có đến mấy mươi
vạn quyển chia làm tám văn khố (kho văn).

THI VỚI NGƯỜI

P hương ngôn Tây có câu :
« Văn tức người »

Phương ngôn Đông có câu : « Thi là ý. » Cui đó đủ biết rằng dù Đông hay Tây, ai nấy cũng công nhận rằng thi văn là cái biểu hiệu tâm tánh của con người.

Còn ở nước ta, có người lại lấy thi văn làm con toán để đoán coi cả hạnh phúc nhứt sanh của mỗi người.

x

Nhà tranh vách đất, rau cháo qua ngày, vợ đợ con thuê, nợ nần nút cổ, đồng thì một cảnh nghèo như nhau, mà người thì :
*Nắng mưa đất khách trầy da vợ,
Sự nghiệp nhà người nặng gánh con..*

Người thì :

*Trận cháo đồn rau vây trước mặt,
Bình con giặc vợ ó sau lưng.*

Người thì :

*Chó đợi bữa cơm sa nước mắt,
Chuột dòm vào gạo rụng lông
nheo.*

Người thì :

*Van nợ có khi tràn nước mắt,
Chạy ăn từ bữa toát mồ hôi.*

Khẩu khí mỗi người mỗi khác; nhưn đó, mà người ta đoán ra sự nghiệp không ai giống ai. Trong bốn anh văn-sĩ nghèo cháy túi đó, cái anh thốt ra câu : « Trận cháo đồn rau . . . » chính là một vị đại tướng sau này vậy.

x

Nhưng về sự lấy thi văn mà đoán coi sự họa phúc của mỗi người như thế, thì người thức giả cho là sự huyền hoặc không đáng tin; chớ như lấy thi văn mà đoán xem phẩm cách, tâm tánh người thì dường như ai nấy đều cho là một cái lệ nhứt định cả.

Con nhà phong lưu, lời thi tao nhã; con nhà đạo đức, lời thi chất phác; con nhà điêu ngoa, lời thi phụ bạc; con nhà trung trực, lời thi cứng cỏi.

x

Trải bảy mươi hai trạm tới kinh,
 Bao nhiêu lao khổ bấy nhiêu tình.
 Hồn quê muôn dặm chim về núi,
 Lòng khách năm canh sóng vỗ
 gành,

Gió bụi đất từng quen với mặt,
 Ruột gan trời cũng biết cho mình.
 Lá lay vì bởi nơi con tạo,
 Ghen ghét nhau vì một chữ danh.

Tắc lòng luyến chúa, thương
 nhà, chút phận dầm mưa giải
 nắng, tám câu thi kia há không
 phải là bức tranh truyền thần
 đủ hình dung ra cái tâm trường
 cái cảnh ngộ của người tôi trung
 con hiếu là cụ Phan-thanh-Giảng
 đó ư?

x

Thảo đâu dám sánh kẻ cày voi,
 Muối xác lòng ai nấy nặng mồi.
 Ở Hán đã nhiều rường cột cả,
 Về Iào chỉ dả một cây còi.
 Nhớ ơn từ mẫu không nguôi dạ,
 Nặng nghĩa quân vương biếng dờ
 roi.

Chẳng được khôn lưu đành đại
 Ngụy,

Thân này xin gởi ngoại vòng thoi.

Bước nước tang thương, nổi
 nhà biến cố, được hiểu mất trung,
 ép lòng đôi tiết, tám câu này há
 không phải là cái tiếng khóc

đau thương của người làm
 biến phải từng quyền đó ư?

x

Ba vua bảy chúa bốn thằng con,
 Răng chửa lung lay, gối chửa mòn.
 Nhơn vật thời giờ sanh cũng uổng,
 Quan tài sẵn đó chết thì chôn.
 Lâu đài thành quách trời muôn
 dặm,

Bị gây cân đai đất một hòn.
 Cũng muốn sống thêm năm tuổi
 nữa,

Sợ ông Bành-Tổ tổng đồng-môn.

Ta đọc bài thi này cũng đủ
 biết tác-giả là người tánh tình
 hào mại, kiến thức siêu việt là
 dường nào.

x

Chớ khi ta đọc những câu :

I

Thâu canh gió táp và mưa cuốn,
 Đánh thức người nằm dậy nửa
 đêm.

II

Từng chia gan ruột cho non
 nước,

Đã hết khôn ngoan với đất trời.

Thì ta đủ biết cái nhiệt trường
 của tác-giả là thế nào.

T. (CÔNG-LUẬN)



QUỐC-VĂN BÌNH-GIANG

Thú Hương-Sơn

Bầu trời cảnh bụi,
Thú Hương-sơn ao ước bấy lâu nay.
Kìa non non nước nước mây mây,
Đệ nhất động hỏi là đây có phải.
Thỏ thẻ rừng mơ chim cúng trái,
Lững lơ khe nước cá nghe kinh.
Thoảng bên tai một tiếng chày kinh.
Khách tang hải dứt mình trong giấc mộng.
Này suối Giải-oan,
Này đền Cửa-võng.
Này hang Phật-tích.
Này động Tuyết Quỳnh.
Nhác trông lên ai khéo vẽ hình,
Đá ngũ sắc long lanh như gấm dệt.
Thăm thẳm một hang lồng bóng nguyệt,
Gập ghềnh hai lối uốn thang mây.
Chừng giang sơn còn đợi ai đây,
Thay tạo-hóa sẽ ra tay sắp đặt.
Lần tràng - hạt niệm năm-vô-phật,
Cửa từ-bi công đức biết là bao !
Càng trông phong cảnh càng yêu.

CHU MẠNH-TRINH

Tiêu dẫn. — Núi Hương-tích ở phủ Mỹ-Đức, tỉnh Hà-đông, Bắc-kỳ. Núi có hang, người ta nhân lập làm cảnh chùa thờ phật; có tiếng là một nơi thắng cảnh ở đất Bắc; xưa nay các nhà văn-nhân thi-sĩ tới chơi đề vịnh rất nhiều. Đây là một bài hát nói của ông Chu-mạnh-Trinh đề trong chùa ấy.

Chú thích. — *Đệ nhất động* : đệ nhất là thứ nhất, động là hang núi, đệ nhất động là hang núi đẹp thứ nhất. Xưa chúa Trịnh ngự đến chơi Hương-sơn có đề mấy chữ *nam thiên đệ nhất động* nghĩa là cái hang núi đẹp thứ nhất trong trời nam. *Chày kinh* : chày là cái vồ đánh chuông, kinh là cá ông voi, ngày xưa làm vồ đánh chuông thường có khắc hình con cá ông voi nên quen gọi cái vồ đánh chuông là chày kinh. *Khách tang hải* : tang là dâu, hải là bể, ruộng dâu hóa bể, bể hóa ruộng dâu, ví với cuộc đời người thay đổi. Khách tang hải là khách ở trong cuộc đời. *Ngũ sắc* : ngũ là năm, sắc là màu, đá ngũ sắc là đá có đủ năm màu. *Thăm thăm* : dáng cái hàng núi sâu. *Lồng* : chụp lấy, úp lấy. *Gập ghềnh* : dáng cái đường lên núi khó leo. *Uốn thang mây* : uốn là lượn khuynh ra khuynh vô, thang mây là cái thang chèo lên cao như là lên mây, đây nói cái lối đi lên núi uốn cao lên mãi như là cái thang lên mây. *Giang-sơn* : Giang là sông, sơn là núi, giang sơn là cảnh núi sông. *Tạo-hóa* : tạo là gây dựng, hóa là hóa sinh; tạo hóa là đấng gây dựng hóa sinh ra muôn vật tức là trời. *Tràng hạt* : cái chuỗi của những người tu hành sâu hạt huyền vô thành tràng đề lần từng hạt trong khi ngồi tụng niệm. *Cửa từ-bi* : từ là nhân hiền, bi là thương xót, từ bi là lẽ gốc của đạo phật, cửa từ-bi là cửa phật.

Giảng nghĩa. — Bài này tác-giả tả cái cảnh chùa Hương sơn cùng cái tình cảm mình lúc đi chơi chùa Hương sơn. Hai câu đầu là khai mào vừa tả cả cảnh, cả tình mình đối với cảnh, nói: một nơi bầu trời cảnh but như chùa Hương-sơn đây mình vẫn ao ước từ bao, bây giờ mới đến, câu 3, 4 nhập đề tả đến cảnh chùa trông thấy, nói: Kia cái cảnh chùa đây, nào non, nào nước, nào mây, có phải người xưa gọi đệ nhất động là đây không nhỉ? câu 5, 6 tả cái cảnh đi vào chùa, nói: trong rừng mơ những chim kêu thỏ-thẻ như là cúng trái lên phật; dưới khe nước những cá lội lững lờ như là nghe sư tụng kinh. Câu 7, 8 cũng tả cảnh tiếp với hai câu trên mà giáp tả cái tình mình ở trong cảnh ấy, nói: thoảng một cái có tiếng chuông chùa lọt tới tai mình, khiến cho khách ở trong cuộc đời chợt sinh ra cái ý tưởng siêu thoát ra ngoài đời như đang trong giấc mộng mơ-màng mà dứt mình tỉnh thức. Từ câu 9 đến câu 16 tả các cái vẻ đẹp chùa Hương Sơn; câu 17, 18 lại giáp tả cái tình mình ở trong cảnh ấy. Ba câu kết lại nói mình đến chơi chùa tưởng tới công đức từ bi của phật và yêu phong-cảnh chỗ núi non này.

Phê-bình — Văn tả cảnh mà cứ toàn tả cảnh không thì nhạt; trong cái cảnh phải lựa những cái nào nó cảm đến mình mà giáp tả cái tình mình trong cảnh ấy thì văn mới có hứng thú đậm-đà. Đây tác-giả thật là khéo tả được như thế. Những chữ dùng lại tài tình lắm; như chữ « bấy lâu nay » chữ « kia » để vào câu 2 và câu 3 linh động biết chừng nào! chữ « non » chữ « nước » chữ « mây » sắp đôi thành câu thơ có tình có vị. Những chữ hình dung: thỏ thẻ, lững lờ, long lanh, thăm thăm, gập ghềnh, dùng thật là bộn. Những chữ để khiến ý như chữ « thoảng » chữ « này » chữ « nhắc » chữ « chừng » chữ « càng » làm cho nẩy ý hay ra bao nhiêu. Trên nói

«đệ nhất động » mà tiếp xuống rằng : hỏi là đây có phải dưới nói «đá ngũ sắc » mà hô trước rằng : ai khéo vẽ hình ; làm cho câu văn thêm vẻ. Tả cảnh chim cá mà mượn tích cũng trái nghe kinh trong sách phật cho mật sát với cảnh chùa. Ấy đều là những cái tài tình của nhà văn cả.

DƯƠNG-BÁ-TRẠC



GIẢI THƯỞNG VĂN - HỌC

MỘT GIẢI 300 ĐỒNG — MỘT GIẢI 150 ĐỒNG

Nào ai là nhà văn ?

Nào ai là người nhiệt thành với quốc-văn ?

?

Hãy xem thể-lệ đã đăng ở Văn-Học số 5.

THI THOAI

Người có tài thơ thì mở miệng ra đều là thơ cả : không cứ cảnh gì, không kỷ chuyện gì, có nhiều cái rất là tầm thường vụn vặt, tự người không có tài thơ thì thật chịu cần bút không sao viết thành câu thơ được, mà lọt vô tới cái lòng gấm miệng thêu của một tay thi-bá thì tức khắc thành ngay ra ngọc nhả châu phun, mà lại thêm được có cái âm-điệu tự nhiên, cái ý vì thiết tha chân thật nữa.

✱

Cụ Ôn-Như là một bậc thi hào về đời Lê tức là tác giả bản Cung oán ngâm khúc. Thơ cụ tuyệt hay, một hôm cụ ra vườn thấy mấy khóm gừng khóm tỏi bị mưa gió tồi tàn, cụ đọc liền mấy câu thành một bài thơ ngũ-ngôn tứ-tuyệt :

*Lép nhép vài hàng tỏi,
Lơ thơ mấy luống gừng.
Một tẻo tèo teo thế,
Thế mà cũng tang thương.*

✱

Lại khi cụ sai đưa người nhà tên Cam đi hái hoa và lấy các thứ vật, cụ đọc mấy câu rằng :

*Cam tốc ra thăm gốc hải-đường,
Hái hoa về để kết làm tràng.
Những cành mới nhánh đừng vịn nặng,
Mấy đóa còn xanh chớ bứt quàng.
Rồi lại tây-hiên tìm liền xạ,
Vời sang đông - viện lấy bình hương.*

Mà về cho chóng dừng thơ thần,
Kéo lại rằng chưa dận kỹ càng.

×

Cụ Yên Đỗ có bài thơ chừa rượu rằng :
Những lúc say xưa cũng muốn chừa,
Muốn chừa nhưng tỉnh lại hay ư.
Hay ư nên nổi không chừa được,
Chừa được mà ông cũng chẳng chừa.

✱

Lại bài thơ nước lụt hỏi thăm bạn rằng :

Ai về nhắn hỏi bác Châu-cầu,
Lụt lội năm nay bác ở đâu ?
Mấy ồ lợn con mua đắt rẻ ?
Vài gian nếp cái ngập nông sâu ?
Vận đen lo tỉnh càng thêm mệt,
Tuổi cả chơi bời họa sống lâu.
Em cũng chẳng no mà chẳng đói,
Lênh-đênh chiếc lá rượu lưng bầu.

✱

Lại bài thơ lên lão rằng :

Ông chẳng hay ông tuổi đã già,
Năm - năm ông cũng lão đây mà.
Anh em làng xóm xin mời cả,
Xôi bánh trâu heo cũng gọi là.
Chú Đáo bên đình lên với tớ,
Ông Từ xóm chợ lại cùng ta.
Bây giờ đến bậc ăn dừng nhĩ,
Có rượu thì ông chống gậy ra.

✱

Đây toàn những tiếng ở cửa miệng đàn bà trẻ con
thường nói, chẳng có gì cao kỳ sâu sắc cả, mà chỉ bởi
cái tài thơ của các cụ khéo sắp câu khiến chữ, cũng thành
ra có ý vị đậm-đà, có dịp dàng réo rắt, trở nên một

khúc âm nhạc êm ái dịu - dàng. Có khi khiến người đọc lại được êm tai thích ý hơn là những câu gọt lá chỗ bông, chạm rồng khắc phượng vậy.

*
* *

Lối thơ ký thác thường mượn câu chuyện của người khác mà nói, tả cái tâm-sự người ấy mà tự khắc tỏ ra cái tâm-sự của mình. Các thi-gia nhứt là hay mượn chuyện đàn bà để nói cho được dễ rạch-ròi mà câu thơ lại thêm phần hứng thú.

Ông Tôn-thọ-Tường, người Nam-kỳ, là một người có tài học giỏi, gặp lúc triều-đình ta cắt nhượng Nam-kỳ cho nước Pháp; đồng thời với ông, những thân-sĩ Nam-kỳ nổi lên phản kháng, ông biết sự thế không làm gì được, ra làm quan với tân triều; nhưng trong bụng ông cũng vẫn tự cho việc đó là việc ông cực chẳng đã phải làm, cũng như một người con gái thất thân làm đi, nên lúc ông về tri-sĩ, có làm bài thơ đi đi tu rằng :

*Chày kinh giống tỉnh giấc vu-san,
Mái tóc kim sinh nửa trắng vàng.
Đài kinh biếng soi màu phấn nhạt,
Cửa Không đành gửi cái thân tàn.
Chạnh niềm hoa liễu vài câu kệ,
An giấc tang du một chữ nhân.
Ngoảnh lại lâu xanh thương những trẻ,
Trầm luân chưa khỏi nợ hồng-nhan.*

X

Ông Nguyễn-Khuyến (trong thi-giới thường gọi là cụ Yên-Đồ) về đời Tự-Đức đã làm quan đến tuần-phủ, từ lúc người Pháp cầm quyền bảo-hộ, ông cáo quan ở nhà. Sau có người bạn làm quan lớn đặc dụng với Chính-phủ bảo-hộ khuyên ông ra làm quan, ông đưa cho người bạn bài thơ làm lời người đàn bà góa rằng :

Chàng chẳng thấy gái này gái góa,
 Buồn nằm sông sông cả áo cơm.
 Gần miền có mụ tá hơm,
 Dắt người tuổi trẻ gán làm lứa đôi.
 Tuổi trẻ kia chơi bời quên mệt,
 Gái góa này sức vóc là bao.
 Bảo sao chiều chẳng như sao,
 Dẫu vui xum họp ở nào được lâu.
 Lấy chồng vốn vì cầu ăn mặc,
 Lại đến điều đói rách hồ người.
 Vả xưa cha mẹ dạy lời,
 Đi thăm lại sợ kẻ cười người chê.
 Mụ hời mụ thương gì thương thế,
 Thương thì thương nhưng thế chẳng hay.
 Thương nhau gạo vãi cho vay,
 Nhủ lấy chồng khác gái này xin thôi.

Ai đã rõ biết cái thân thế của hai ông thì nghe hai
 bài thơ ấy tức là hiểu rõ cái tâm sự của hai ông vậy.

DƯƠNG-BÁ-TRẠC



XX

MẤY LỜI KÍNH CÁO

Các ngài mua báo, ai chưa trả tiền, xin kíp gửi
 mandat về trả cho ; nếu ngài nào ở xa nhà Bưu-
 Điện không tiện mua mandat, xin cứ gửi trả số
 tiền báo bằng timbres postes cũng được.

Đường xa góp sức, gánh nặng chung vai, mong
 các bạn vui lòng gửi ngay về cho. Đa tạ.

Từ kỳ sau, bản chí sẽ biên qui tính phương danh các
 ngài chưa trả tiền vào một trang riêng để tiện nhắc các
 ngài.

V. H. T. C.

XX

LƯỢC KHẢO VỀ

VĂN HỌC SỬ NƯỚC TA ⁽¹⁾

HÁN-VĂN

Thời kỳ thứ ba

LÊ. NGUYỄN

(Tự thế-kỷ XV đến thế-kỷ XIX)

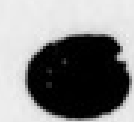
Trong thời kỳ này, văn học nước ta có hai điều đặc-sắc: một là hán-học thịnh mà phật-học suy; hai là học đạo-lý đã thiên ra học từ-chương.

Hán-học thịnh mà phật-học suy là vì phép học phép thi đã qui-định, các sỹ-phu đỗ đạt đều được bổ dụng, vừa có vinh-dự, vừa có quyền-lợi; trên triều-đình cổ-võ, dưới dân-gian theo đòi, ai cũng lấy việc học việc thi làm sự-nghiep. Trong đời Trần đã biết bao nhà nho dựng nên công-nghiep lớn lao, kể đến Lê thì ông Nguyễn-Trãi là bậc khai-quốc công-thần cũng lại là một tay trong nho-phái, vì vậy triều-đình lại càng cổ-võ nho-học riết. Phái nhà nho bấy giờ đã chiếm địa-vị ưu-thắng trong xã-hội nước ta; trên triều-đình trọng dụng, dưới quốc-dân hâm mộ, thường hay bài bác đạo Phật ⁽²⁾, như thế thì làm gì mà Phật học không phải suy.

1) Xem từ Văn học số 5, 6, và 7.

2) Coi bài ký chùa Quan Nghiêm tỉnh Bắc Giang của ông Trương Hán Siêu.

Nhưng cũng vì khoa cử là cái kể tiến thân, cái thang hiển thế mà cái phép học phép thi của ta xưa lại chú trọng về đường từ-chương hơn về đường lý luận, về bề hình thức hơn về phần tinh thần, bó buộc vào trong vòng lẽ lối chật hẹp làm cho con người ta mất cả trí sáng-kiến tính đặc sắc, nên trừ những nhà cao-sĩ danh nho tinh thâm đạo lý vượt ra khỏi vòng khoa hoạn, còn phần nhiều sĩ-phu chỉ mài miệt vào lối học-biện-nạn, lối văn biền ngẫu, đối với việc văn học trong nước không bổ-ích gì.



ĐỜI HẬU-LÊ (1428-1788).

PHỤ NHÀ MẠC và CÁC CHÚA NGUYỄN.

Phép học phép thi. — Phép học phép thi đến đời LÊ (1428-1527) lại càng tinh bị. Mở nhà *thái học* ở kinh-đô, đặt các *giáo chức* ở các phủ lộ, sửa sang lại phép *thi hương thi hội*, lại dựng *bia tiến sĩ* khắc tên các ông nghè.

Vua LÊ-THÁNH-TÔN (1460-1497) rất chuộng văn-học, tính thích ngâm vịnh, nên ngài đặt ra một hội gọi là *tao-đàn nhị thập bát tú* (28 ngôi sao ở đàn văn chương), kén 28 văn-thần như bọn ông Thân-nhân-Trung, Đỗ-Nhuận, v. v. sung vào, mà chính ngài thì làm nguyên-súy để cùng nhau xướng-họa trừ tác. Hội ấy có thể coi như một hội Hàn lâm đầu tiên ở nước ta và sánh với một hội học ở bên Pháp tên là *La Pléiade* về hồi thế-kỷ thứ XVI. Văn học đời Lê đến triều vua Thánh Tôn thật là cực thịnh.

Đến khi nhà MẠC (1527-1592) cướp ngôi nhà Lê thì việc học thi vẫn theo lẽ lối của nhà Lê. Tuy bấy giờ có nhiều người cho nhà Mạc là Nguy-triều không muốn ra thi và làm quan với họ Mạc, song cũng có nhiều tay danh - sĩ xuất - thân biến-loạn trong lúc bấy giờ như ông Nguyễn - bỉnh - Khiêm thường gọi là ông trạng Trình vậy.

Kịp đến khi nhà LÊ trung hưng (1592-1788) mới định lại qui-thức thi hương thi hội. Song thi cử đời bấy giờ không được nghiêm-chính, sinh nhiều mối tệ, người học giỏi thường hỏng mà kẻ đồ đạt lại không phải là nhân-tài xứng đáng gì. Phép thi đã vậy mà phép học cũng không có người trông nom săn sóc, nên việc học ngày một suy đốn, trừ có mấy tay như bọn ông Phùng - khắc - Khoan, Đào - duy - Từ, Lê - quý - Đôn là những bậc có tài xuất chúng không kể, còn sĩ-phu trong nước bấy giờ cũng hiếm người tài cao học rộng. Coi ngay một việc học việc thi đời bấy giờ cũng đủ biết là vận nhà Lê đã quá suy vậy.

Tự trước đến đây việc học việc thi đều ở riêng mạn Bắc ; kịp đến giữa thế kỷ thứ XVI, các chúa NGUYỄN vào khai - thác phía Nam, thì nho-học cũng dần dần truyền-bá đến phía nam, Trung-kỳ, rồi đến cuối thế-kỷ thứ XVII lan tới đất Gia - Định. Trước thì các quan-viên sĩ phu theo chúa Nguyễn vào đấy dạy dỗ dân-gian, sau thì các chúa cũng lập trường học, mở khoa thi để chọn người làm quan. Nhưng lúc bấy giờ còn phải lưu tâm đến việc võ bị, việc đánh dẹp, nên học-quĩ thi-pháp cũng còn sơ-lược, phải đợi đến khi vua Gia-Long thống - nhất nam bắc mới chỉnh đốn lại đầu đuôi được.

* *

Thơ văn sách vở. — Trong đời LÊ sự trứ thuật rất thịnh mà sách vở xuất hiện cũng nhiều. Các *thi-sĩ* thì có các bậc như Lê - thánh - Tôn, Nguyễn - bình - Khiêm ; Các *văn-gia* thì có các ông Nguyễn-Trãi, Thân-nhân-Trung, Lê - quý - Đôn ; còn các *sử-gia* thì như các ông Phan-phù - Tiên, Ngô-sĩ-Liên, Võ - Quỳnh, Lê - Tung, v. v.

*

Ông NGUYỄN-TRÃI (mất năm 1441) có công to trong việc giúp vua Lê-thái-Tổ khôi phục giang sơn. Ông lại

là một bức văn hào ở nước ta. Chính ông làm ra bài *Bình-Ngô đại cáo* đề bá cáo cho dân biết cái công mười năm bình định của vua Thái-Tổ. Trong bài ấy ý nghĩa quang minh, nhờ nhể hùng hồn; thật là một áng văn kiệt tác. Ông có làm nhiều thơ văn bằng chữ nho, hợp thành *Ức-trai toàn tập*. Ông lại soạn quyển *An-nam vũ-cống* là một quyển địa dư chí nước Nam.

*

Vua LÊ-THÁNH-TÔN (1460 - 1497) ngâm vịnh rất nhiều và có làm ra quyển *Thân-chính-ký sự* kể việc ngài đi đánh Chiêm-Thành Lão-quả.

Ngài lại sai ông THÂN-NHÂN-TRUNG và ông ĐỖ-NHUẬN soạn ra bộ *Thiên-nam dư-hạ tập*, tất cả 100 quyển chép các việc chính trị và thơ văn của ngài. Quyển ấy đến nay chỉ còn ít nhiều đoạn, thật là đáng tiếc, vì xem quyển đó chắc biết rõ tình-hình nước Nam ta về hồi thế - kỷ thứ XV.

*

Ông NGUYỄN BÌNH-KHIÊM (1492-1587) ở về đời nhà Mạc; đỗ trạng-nguyên, làm quan tới đông-các-đại học-sĩ; sau từ chức về ẩn-dật ở chỗ núi non. Ông ngâm vịnh rất nhiều; bài nào cũng có vẻ bình đạm giọng thanh cao, rõ ra cái thú của một người nhàn dật ở ngoài cuộc đời.

*

Song trong đời nhà Lê, một tay văn học quảng bác nhất và trứ thuật rá nhiều nhất là ông LÊ-QUÝ-ĐÔN đỗ bảng nhãn năm vua Lê-Hiến-Tôn thứ 13 (1752). Ông học rộng xem nhiều lại có kiến văn lịch duyệt, nên ông làm ra rất nhiều sách vở, trong những quyển ấy, hoặc ông kỹ-thuật những điều mắt thấy tai nghe, hoặc ông chứng dẫn các sách cổ kim rồi lấy ý riêng mà triết trung nghị luận; các sách ấy phần nhiều bàn về luân-lý và triết - học. Trong những bộ sách ông làm ra, uyên - thúy nhất là bộ *Vân-dài loại ngữ*. Bộ ấy là bộ triết học tự-vưng chia ra làm 9 mục có nhiều điều; ông lại khởi thảo một bộ sử lớn nước ta là *Đại-việt thông sử*; chả may bộ ấy còn dở dang chưa

xong, đến nay lại thất lạc mất nhiều đoạn. Ông thật là một tay văn học uẩn xúc yêm-bác, các văn sĩ ta mà các học-giả Tàu cũng phải chịu phục cái tài của ông vậy.

Lối văn truyện-ký đời bấy giờ có bộ *Truyện kỳ mạn-lục* của ông NGUYỄN-DƯ và bộ *Lĩnh-Nam-trích-quái* của ông VÕ QUỲNH. Hai bộ ấy ghi chép các lời tục truyền và các sự-tích cổ của ta như sự-tích vua Hùng-vương, thần Tản-viên, chuyện Phù-đồng thiên-vương, chuyện bà Liễu-Hạnh, tuy phần nhiều là chuyện hoang-đường, song cũng có bổ ích cho đường khảo-cứu.



Sử học trong đời nhà Lê cũng rất thịnh. Ông PHAN-PHÙ-TIÊN về đời vua Lê-nhân-Tôn (1443-1459) chép nối vào bộ *Đại-Việt sử-ký* của ông Lê-văn-Hưu (nguyên trong quyển này chỉ chép đến Lý-Chiều-Hoàng là hết) tự đời vua Trần-Thái-Tôn đến thời-kỳ thuộc nhà Minh, cả thảy là 10 quyển.



Đến đời vua Lê thánh-Tôn (1443-1459), ông Ngô-sĩ-LIÊN làm bộ *Đại-Việt sử-ký* toàn thư chia làm 2 bản: ngoại bản kể từ họ Hồng-Bàng đến đời thập-nhi sứ-quân (5 quyển) và nội-bản từ Đinh-tiên-Hoàng đến Lê-Thái-Tổ (10 quyển). Bộ sử này là một bộ sử quan-trọng nhất từ đời Lê trở về trước; sau này các nhà làm sử nước ta đều phải tra-cứu ở quyển này để lấy tài-liệu.



Đến đời vua Lê-Tương-Dực (1510-1516) ông VŨ-QUỲNH làm ra bộ *Đại-Việt-thông-giám* cũng chia ra làm ngoại kỷ tự họ Hồng-Bàng đến Thập-nhi sứ-quân và bản-kỷ tự Đinh-tiên-Hoàng đến Lê-thái-Tổ. Đại loại quyển này cũng là phỏng theo quyển của ông Ngô-sĩ-Liên mà thêm bớt ít nhiều. Ông làm xong quyển ấy, vua

sai ông LÊ-TUNG soạn một bài tổng-luận về bộ ấy gọi là *Đại-Việt-thông-giám tổng-luận*.

*

Đến đời vua Lê-Huyền-Tôn (1662-1671) ông Trịnh-Tạc sai quan Tham-tụng là ông PHẠM-CÔNG-TRỨ soạn sách *Việt sử toàn-thư* kể từ vua Trang-Tôn nhà Hậu-Lê đến vua Thần-Tôn (từ 1533 đến 1662) chia làm 23 quyển. Đời vua Hi-tôn (1675-1705) lại sai hai ông LÊ-Hi và NGUYỄN-QUÝ-ĐỨC chép nối từ đời vua Huyền-Tôn đến vua Gia-Tôn (từ 1662 đến 1675) thêm vào 13 quyển, gọi là *Quốc sử thực lục*. Năm 1775 đời vua Hiến-Tôn, ông Trịnh-Sâm sai các ông NGUYỄN-HOÀN, LÊ-QUÝ-ĐÔN, Ngô Sĩ, NGUYỄN-DU chép thêm từ đời vua Hi-Tôn đến đời vua Ý-Tôn (từ 1675 đến 1740) gọi là *Quốc sử tục biên* cả thảy 6 quyển.

(Còn nữa)

HẢI-LƯỢNG



GIỚI-THIỆU SÁCH MỚI

Bản-chỉ mới tiếp được hai quyển sách này, xin giới-thiệu cùng độc-giả :

1^{er} Quyển « CHÍ QUẢ-QUYẾT » là quyển tiểu-thuyết giáo dục của ông Nguyễn-Đông-Chi soạn, tức là quyển thứ nhì về kho sách bạn trẻ của ông. Sách dày 32 trang. Giá bán 0\$08.

2^e Quyển LA CORRESPONDANCE DE LÊ-CÔNG-ĐẮC. Trong quyển này ông Đắc in bài bình phẩm các sách ông soạn do ông Nguyễn-Mạnh-Tường, văn khoa và luật khoa tiến-sĩ viết, bức thư ông gửi chúc Hoàng-Thượng cùng dâng các sách ông xuất-bán, bức thư của Triều-đình Huế trả lời, v. v...

Sách này không bán, ai gửi 0\$05 tem về số 16 ter phố Sinh-Tử Hanoi, ông Đắc sẽ gửi sách biếu.

Dương-Tự-Nguyên

MỘT Ý KIẾN

VỀ SỰ SỬA ĐỔI CHỮ QUỐC-NGỮ
THÀNH MỘT THỨ VĂN TỰ HOÀN TOÀN

(Bài này viết theo lối chữ quốc-ngữ mới) Xem Văn-Học số 5

TRAZ LIOIF MAAYQ CAAU HOIZ.

— Coq ngeuoif ho z : theo cach viet « Looiq cheuw mioiq », tiengq « SOONG » trong looig cheuw cuw (caiq soong) neenviet theeq naof ?

Xin traz lioif reangf : vaanf « ONNG » (vaanf noiq ngongj) in trong Veau-Hocj Tapj-Chiq sooq 5, trang 17, hangf theuq 20, chinhq laf deez yungf vaof nheungw tiengq nhuu vayj. Ta neen viet laf SONNG.

— Coq ngeuoif hoiz : Daw muong seuaz dooiz cho deuocj tienj lioij vaf hoanf toanf, sao khoong laayq F thay cho PH, vaf laayq Z thay cho GI ?

Xin traz lioif reangf : Trong Veau-Hocj Tapj-Chiq sooq 5, trang 14, hangf theuq 25 daw coq noiq ; vif daw yungf thay cho 5 yaauq, 5 cheuw : Q, F, Z, W, J, neen boz heanz ra ngoaif sooq cheuw caiq, deez cho ngeuoif mioiq hocj khoiz laamf. Khi docj, thif docj heanz 5 cheuw aayq laf seac, huyenf, hoiz, ngaw, neangj (5 cheuw aayq teuc laf 5 caiq yaanq) ; chioq khoong docj theo giongj doci cuaz ngeuoif taay. Vif lew aayq neen 5 cheuw aayq khoong theez dem yungf maf thay cho cheuw gif khac neuaw. Pheuong chi, cheuw PH vaf GI ioz cac neuoc deeu f docj dangq nhuu giongj docj cuaz minh f ; caiq gif maf minh f daw coq seanw rooif, khoong neen thay doo'z cho theem phienf pheuc.

— Coq ngeuoiif hoiz : trong cheuw Phap coq seanw cheuw é è. ê. â ï, sao ta khoong biet lioij yungj deez laayq cheuw á thay cho ă, à thay cho â, é thay cho ê, ô thay cho ô, ü thay cho u ?

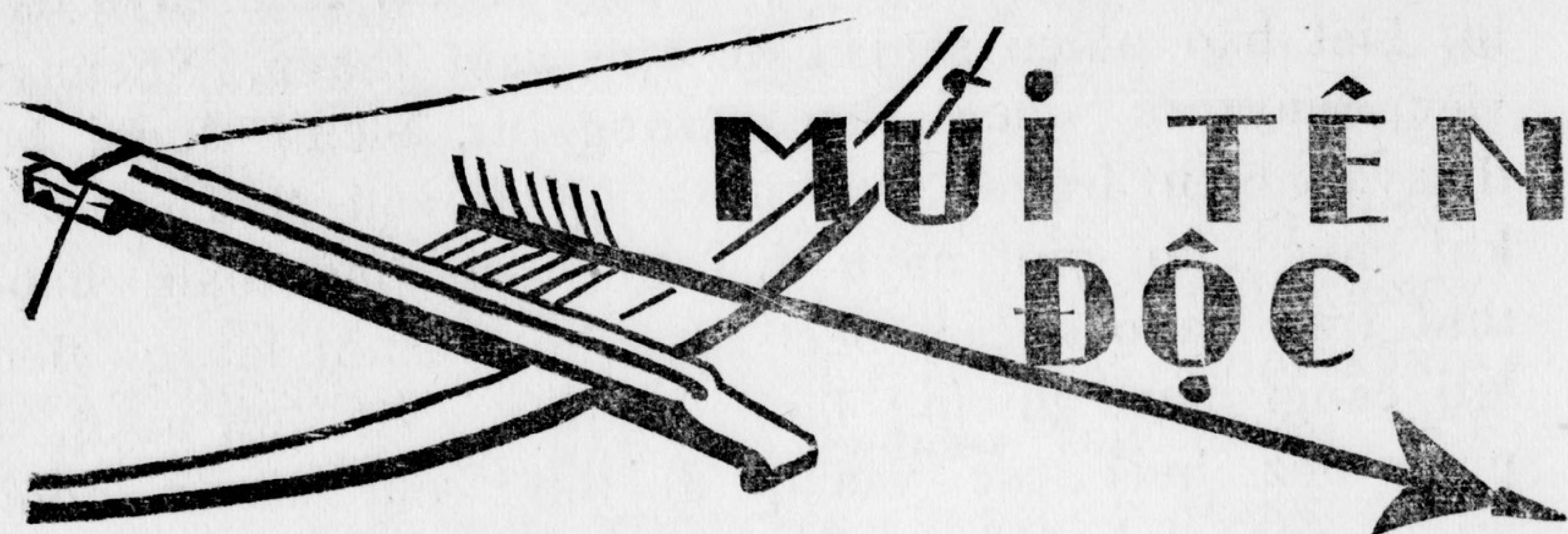
Xin traz lioif reangf : Trong Veau - Hocj Tapj - Chiq sooq 5, trang 13, hangf theuq 2 coq noi q : looiq cheuw cuw khoong theez yungf deez viet cac giaayq tiof kuan-heej deuocj, vif coq khi chiz cheuaw lai j mootj vaif caiq yaauq maf lamf cho caiq iq-nghiaw caau veau khác heanz di. Hangf theuq 8 lai j noi q : khi ioz neuoc ngoaif khoong theez danhq giaay - thep beangf tiengq ta deuocj. Cac ngaif hoiz nheu vayj cheac cac ngaif it khi lamf cac giaayq tiof kuan - heej beangf tengq ta, vaf cac ngaif cungw it khi ra ioz neuoc ngoaif phaiz gheuiz giaay - thep beangf tiengq ta veef nhaf, neen cac ngaif cheua bij seuj gif lamf khoq khean cho cac ngaif vif caiq looiq cheuw coq nhieuf yaauq aayq. Tiengq Annam khoong theez bif vioiq tiengq Phap deuocj. Thiq yuj nheu cheuw Phap : élève, neeuq coq boz heanz hai yaauq maf viet eleve ; pâque, pâlr, palmarès, boz yaauq viet paque, palr, palmares, ngeuoiif xem cungw hieuz nghiaw ngay, khoong theez laanw vioiq cheuw gif khác deuocj. Chioq nheu tiengq Annam toanf laf vaanf dion (monosyllabe) caz ; hoeacj theem hoeacj biot mootj vaif caiq yaauq thif teuj kheac iq - nghiaw khác heanz. Thiq-yuj nheu : *chura chan*, coq theez cheuaw laf *chura chán* v. v. Cac ngaif lai j cheua deuocj mucf - kich nheungw seuj beat bioq oan nghietj vif seuj chungf cheuw teen maf ra. Thiq-yuj nheu : coq caiq giaay - thep cuaz kuan treen sai beat teen NGUYEN - VAN - TAM, thif bao nhieu nheungw ngeuoiif teen laf Nguyễn-văn - Tam, Nguyễn - văn - Tám, Nguyễn-văn-Tám, Nguyễn-văn-Tam, Nguyễn - văn-Tâm, Nguyễn-văn-Tấm, Nguyễn-văn-Tầm, Nguyễn-văn - Tầm, v. v. deef theo mootj caiq sooq phaanj phaiz cong

troiq leen kuan, chiof deenq khi minh deuocj seuj oan uongz thif nheungw kez bij chungf cheuw teen aayq daw bij biet bao nhieu seuj khooz sioz vaof thaan. Nheungw viecj saayz ra nheu theeq trong luc bienq đongj lai j thaayq nbieuf leamq; vat nheungw kuaan tanf ac coq khi chiz nhiof yipj aayq maf thi caiq thuz doanj baoq thuf traz oanq hoeacj heet seuc bop neanj laayq tienf lai j cangf ghee ghiomq booi j phaanf Vif lew aayq, ta pbaiz boz heet cac yaauq di thif seuj seuaz dooiz mioiq deuocj hoanf toanf.

(Conf neuaw)

ea = ă, aa = â, ee = ê, oo = ô, io = ơ, eu = u, euo = uơ, ien = iên, uan = uân, uon = uôn, q = ư, f = ư, z = ư, w = ư = j . .





(NÀ THOÔNG ĐIAI)
TIỂU THUYẾT ĐƯỜNG RỪNG

Nguyễn - Lan - Khai SOẠN

(Tiếp theo)

Chiếc nhà gỗ ba gian hai trái, tầng dưới làm chuồng trâu mất hai gian, còn bao nhiêu làm chỗ đâm say. Tầng trên, hai trái hai đầu làm buồng ngủ của ông Chánh và của hai mẹ con Mai-Dung. Gian chính giữa để khuôn bếp nấu nướng, về mùa rét nhân tiện làm lò sưởi chung cho cả nhà. Hai gian áp trái, một gian để không lấy chỗ cho người nhà nằm, một gian bày chiếc hương án mộc, lâu ngày đã nhem - nhuốc vì khói hun bụi bám ; trên bàn mấy chiếc nồi hương bằng sành, tro tàn ngập - ngựa, một cái hòm sắc, sơn son đã biến thành màn cặn nước chè,

một đôi ống hương gỗ mít tiện trơn. Hai đầu bàn, một đôi lọng đen rách mướp buộc vào chân bàn. Trước hương-án kê một cái giường gỗ thấp, trên giải chiếc chiếu cạp như chờ khách đến chơi. Trái với mọi khi, Bạch-Hùng bước vào trong nhà thấy vắng - ngắt và tối - om. Ông Chánh và Mai-Dung đều đi ăn cưới vắng. Cạnh bếp, bà Chánh vì có tang phải ở nhà, đang ngồi quay sợi, miệng tóp - tép nhai trầu. Thấy Bạch-Hùng về, bà dừng tay guồng, nhổ quét giầu vào bếp, hỏi :

— Hôm nay sao về muộn thế ?

— Con cố cày nốt đám ruộng

Cầu - Giang để từ mai bắt đầu bữa.

Bà Chánh nhả cái bã trầu đã nhặt ném vào ngọn lửa, với cái âu đồng tròn một miếng nhai, đoạn tay vừa quay guồng vừa nói :

— Nhà ta năm uay làm sớm, còn rộng ngày chán, tội gì mà găng sức quá cho nhọc mình.

Bận sau đừng làm muộn thế nữa nhé.

Dưới ánh lửa mập - mờ, Bach-Hùng nhìn bà Chánh, nghe cái tiếng êm-đềm ấy, lòng lại trạnh nhớ tới mẹ già.

Anh ta mở cái rổ sẽ úp trên cái mâm gỗ thì này một gói cơm sôi, và một đĩa thịt nai sấy sào gừng.

Chiều hôm ấy Bach-Hùng nghỉ ngơi nhiều điều nhưng vì làm lụng nhọc nên đói lắm. Anh chào bà chủ, đoạn ngồi vào ăn.

Cơm xong, Bach-Hùng tắm nước, nghỉ ngơi một lát rồi đem mớ lát gang ra chấp nốt chiếc chạc trầu.

Bà Chánh thấy anh làm việc, ngẩng nhìn anh như có ý hỏi : anh không đi xem à ?

Bach-Hùng biết ý đáp

— Con làm cả ngày mệt lắm. Cố chấp xong đoạn chạc này rồi đi nghỉ thôi.

Hai người im lặng, chỉ nghe tiếng guồng chỉ sè sè quay và tiếng ấm nước sôi trên bếp. Hồi lâu, bà Chánh thấy mỏi mình, bèn thu xếp đồ làm để vào một chỗ, rồi vào buồng nghỉ. Trong mấy gian nhà trống rỗng bấy giờ chỉ còn trơ một mình Bach-Hùng. Ngâm cái điệu can trong miệng, anh ngồi âm thầm bên khuôn bếp rồi, mỗi lần tiếng pháo nổ và tiếng kèn trống tự xa đưa đến bên tai, tấm lòng anh lại thắc mắc vấn vương.

Bach-Hùng thở dài ; chưa bao giờ anh thấy cuộc đời đối với anh lại lãnh đạm một cách cay độc như thế !

II

Gữa làng Hoảng-Pháp, trên một mô đất cao, nếp nhà gỗ năm gian của ông bá Triệu-văn-Phù đứng nghêu-nghện như khoe cái vẻ phú quý nhất làng. Cùng một kiểu nhà sàn như mọi nhà khác miền Thượng-du, nhưng làm tuyền bằng những thứ gì quý như mỡ với vàng tâm, tuy chỉ bào trôn đóng bén, không trạm trổ loi thôi gì nhưng có một vẻ thanh nhã ra nhìn. Trừ bộ đồ thờ sơn thiếp ở gian giữa, trong nhà bày rất ít đồ vật. Cái vật trang điểm quý nhất của nhà ấy hình như chỉ có sự sạch sẽ và phong quang.

Trước nhà, một cái sân bằng nửa tép để phơi lúa, hôm đó có phủ mấy tấm cót lên làm rạp để thêm chỗ ngồi. Sân phơi tiếp ngay với bịch thóc sể về bên tả, trong chứa đày lúa nếp lúa tẻ, thứ đã vò, thứ còn nguyên cùm. Chung quanh dưới đất, bức rào nửa cánh sể vây kín một khu vườn rộng, la liệt những cau na mơ mận, bưởi bòng, cam quít và rúc rích những gà vịt ngỗng ngan.

Ngày thường, trong nhà ông Bá có cái vẻ hoạt động êm đềm và sung sướng của cảnh điền viên giàu thịnh. Nhưng luôn hai hôm nay thấy huyền não khác thường. Nhà ông bá rộn hai việc vui mừng. Ông vừa mừng sắc lại vừa gả chồng cho cô con gái nhón, cô Ninh. Sẵn giàu có, gặp dịp quan trọng như thế, ông định mở cuộc thật linh đình. Cả hàng tổng đều tiếp được nhờ mời. Trên từ các cụ lão, các chức dịch, dưới đến bọn đàn em xưa nay bốn phận tự nhiên là phải đến giúp đỡ đàn anh những khi có việc. Thôi thì tấp nập tưng bừng chỗ này mổ trâu, chỗ kia giết lợn, cỗ bàn làm hàng sáu bảy chục mâm.

Hôm trước ăn khao. Hôm nay đón dâu. Cô Ninh sắp bước

chân về nhà chồng, sắp vui chữ thât gia với bác Xã-đoàn Diêm con trai nhón ông phó tổng cự Bàn-văn-Sơ.

Lúc cô Mai-Dung với bà Ké So đến nơi thì họ nhà gái đã đông đủ cả. Trong nhà đèn lửa sáng chung, cỗ bàn san sát. Hàng chiếu bên tả là chỗ đàn ông ngồi, còn hàng bên hữu thì riêng phần đàn bà. Hai người rửa chân lên nhà, cỡi dao lưng đưa cho tên đầy tớ cất đi, rồi cùng vào tiệc. Rút hồi pháo nổ, vợ chồng ông Bá cất tiếng nói với mọi người rằng:

— Hôm nay được ngày lành tháng tốt, vợ chồng tôi cho con cháu Ninh về làm dâu nhà ông phó tổng. Các cụ, các ông, các bà có lòng thương vợ chồng nhà tôi, lai chơi đông đủ để mừng cho cháu, chúng tôi lấy làm cảm ơn vô cùng. Vợ chồng tôi gọi là có chén rượu nhạt, xin mời các cụ các ông, các bà chứng giám cho.

Mấy người có tuổi nhất trong đám tân-khách thay mọi người đáp lại rằng:

— Giai khôn dựng vợ, gái nhón gả chồng. Nay ông bà cho cháu Ninh ra ở riêng, chúng tôi là bà con hàng động cả, thấy

việc vui mừng như thế lấy làm sung sướng lắm. Vậy vâng nhờ ông bà cho ăn uống, chúng tôi xin hoan hỉ cùng ông bà để mừng cho cháu duyên ư phận đẹp, về nhà chồng được cha mẹ thương yêu, anh em quý mến, vợ chồng làm ăn thóc lúa

mỗi ngày một nhiều, trâu bò mỗi ngày một lắm, con cháu đông đàn giải lũ, để động ta mỗi ngày một đông vui thêm.

Rút nhờ cử tọa cùng cất chén.

Cổ bàn tuy to nhưng có vẻ sơ sài. Thịt trâu thì hoặc tái hoặc



luộc, thịt gà sào mẻ thái từng miếng to bày lên những mảnh lá chuối giải trên mâm. Chỉ trừ mấy món bí sào, nước canh mới đựng vào bát. Đũa bằng tre non mới vót, mùi thơm như cốm. Mọi người ăn uống sô bồ. Rượu uống cực nhiều. Thứ rượu ngang rất nặng nấu lấy rất ngon mà đàn ông đàn bà thi tay

nhau uống hàng vò.

Những cặp áo the lông áo trắng những bộ áo chàm thêu sặc sỡ lúc đó mặc cho canh, rượu rầm rề. Quanh năm chân bùn tay lấm, gặp những gập họa hoằn ấy, người dân như cổ say sưa vui thích để quên nỗi vất vả ở đời.

Mọi người đang ăn uống truyện trò linh đình thì chợt nghe tiếng

pháo nổ và tiếng kèn inh ỏi từ xa đưa lại. Biết rằng họ nhà trai đã đến, ai nấy đều đặt đĩa đứng giây sửa soạn cuộc tiếp rước. Bọn các cô con gái và trẻ con tinh nghịch vội rủ nhau xuống đóng cổng lại. Khi họ nhà trai đến, thấy cổng đóng phải nhờ mấn tả (bà mối) ra thương lượng món tiền mở cổng. So kè bớt một thêm hai, mãi lâu lâu ông cô bà cậu mới bằng lòng mở cổng. Họ nhà trai vừa kéo nhau vào đến sân, thì này những ráy đại khế ủng, những quả ổi xanh từ bốn phía vườn ném lại như mưa. Lắm người chúng đạn đầu ngửa tối mắt lăm lăm như vùi nhưng cũng gượng tươi cười đem ô nón làm mộc che đỡ cho qua. Trận « mưa đạn » ấy ngọt, bọn nhà trai mới được lên nhà. Đồ dẫn cưới như bánh trưng bánh dày, hai đôi mĩa, trầu cau, hai con lợn, sáu thùng gạo, trăm chai rượu và sáu chục bạc để trong chiếc quả bằng mây đều bày cả ra trước bàn thờ nhà gái. Mấn-phá (ông mai) giao đủ đồ dẫn cưới rồi thì các cô con gái đưa Mấn-nhảm (1) ra mắt Mấn làng (2) và họ nhà trai. Mấn-nhảm thẳng bộ rất sang : mũ hoa, áo thêu, khuyết bạc, vòng bạc to như cạp thúng,

hai tay vòng đôi nhẫn cuốn nom sáng rực cả người lại thêm vuông nhiều điều phủ mặt. Mấn làng thì khăn nhiều tam giang quần vành để năm bảy vòng như đóng chuồng lấy cái búi tóc vỗ cái chiếc lược ngà ; áo suyến hoa lồng ra ngoài áo trắng giải, quần trắng, giày đế vải, má nhiều thêu, thêm hai chiếc vòng vía bằng bạc đeo ở hai cổ tay.

Lúc hai người làm lễ bàn thờ và lễ cha mẹ vợ thì anh em chị em bạn đứng quanh đây đưa nhau trêu ghẹo và cười vang như nắc nẻ.

Lễ xong, cô dâu trở vào buồng, chú rể ngồi lại với mọi người. Những cô bàn lúc này triết đi cả, một lượt cô khác bày ra, hai họ lại ngồi vào đánh chén. Lúc này mới là lúc hai bên trai gái hát đối nhau. Ý nghĩa mỗi câu một khác nhưng giọng hát câu nào cũng thề, cùng một điệu như nhau. Lúc bắt đầu câu, họ cất giọng thật cao, rồi cứ xuống dần, sau cùng thì kéo giải. Giọng hát nghe có một âm điệu cổ lỗ mà buồn. Rồi những cái kèn ghép bằng ống sậy vo ve họa theo thành một cuộc đàn ca lơ lửng xa xôi như tiếng gió rồn ống nứa hay ve gọi đầu cành ..

(Còn nữa).

1) Cô dâu. 2) chú rể.



HOA LƯU KẾT NGHĨA

Lịch sử tiểu thuyết

SOẠN GIẢ : Dương-Bá-Trạc

HỒI THỨ BA (Tiếp theo)

Sư cụ liền nói ;

— Ấy ! thầy đã về, thế nào hôm nay đi coi cá bệnh đó có chữa được không ? Đã cơm nước gì chưa ?

— Thưa, cái bệnh đó cũng khá nặng nhưng mà chữa được, tôi vì phải trông thuốc cho người bệnh được hơi đỡ mới về, thành ra ở tối, nhà bệnh đã dọn cơm cho ăn rồi. Chú tiểu nói có hai người khách là hai bác đây phải không ?

— Phải, chính đó, hai bác này cũng nhân đi ngang đường lên núi du sơn, vào chùa văn cảnh, cùng tôi cũng không có quen biết bao giờ cả, thấy cái nhà trên núi, có hỏi tôi ai ở cái nhà ấy, tôi nói thầy và nhân trời đã tối, tôi giữ ở lại một tối đợi thầy về cùng nói chuyện cho vui.

Sư cụ dứt lời, Bộ-Linh cùng Nguyễn-Bặc liền đứng dậy vái chào người ấy mà rằng :

— Anh em tôi tình-cờ tới đây được hầu sư cụ lại nghe nói có tôn-sư ở trên núi giồng thuốc, cũng ước ao được tiếp tôn-nhan; trước lạ sau quen, xin thứ đường đột.

Sư cụ nói :

— Hề gì có sao mà đường đột; thầy đây với tôi, chúng tôi du dú ở trong một hòn núi, vắng ngắt buồn hiu, thủynh thoảng với được người khách tới chơi, chuyện trò thật là vui vẻ. « *Tứ hải chi nội đại huynh đệ* » (1) gặp nhau ta há sẵn quen nhau, thôi cứ việc vất cả hình hài, dắt nhau lên núi chơi giăng nói chuyện một đêm cho thích.

Người ấy cũng nói :

— Phải đấy, sư cụ nói chí phải; sáng trăng, xin mời hai bác quá bộ lên túp lều tranh của tiều-đệ, rồi ta cùng ra ngoài núi trông trăng ngoạn cảnh, trò chuyện với nhau cho vui.

Sư cụ nói :

— Giờ tôi còn đèn hương trong chùa, tụng kinh niệm phật, ba bác cứ đi chơi trước, khuya một ti nữa rồi tôi cũng lên.

Ba người bèn cùng nhau từ tạ sư cụ, dắt nhau lên núi. Lúc ấy là đêm mười sáu tháng chín, vầng trăng đã tỏ ánh sáng trắng ngần, chiếu vào trong túp nhà tranh như gần như xa, như đậm như nhạt. Chủ nhân mời khách vào ngồi cái trống trong nhà, mình đi câu hoa cúc, ngắt búp trè, lấy mấy cái củi thông nấu nước pha chè mời khách uống. Bộ-Linh cùng Nguyễn-Bặc hỏi chủ-nhan rằng :

— Anh em tôi tình-cờ gặp được quý hữu rất lấy làm hân gia bình sinh, xin cho biết tôn tính đại danh để ghi nhớ cái duyên hội ngộ.

Chủ nhân nói :

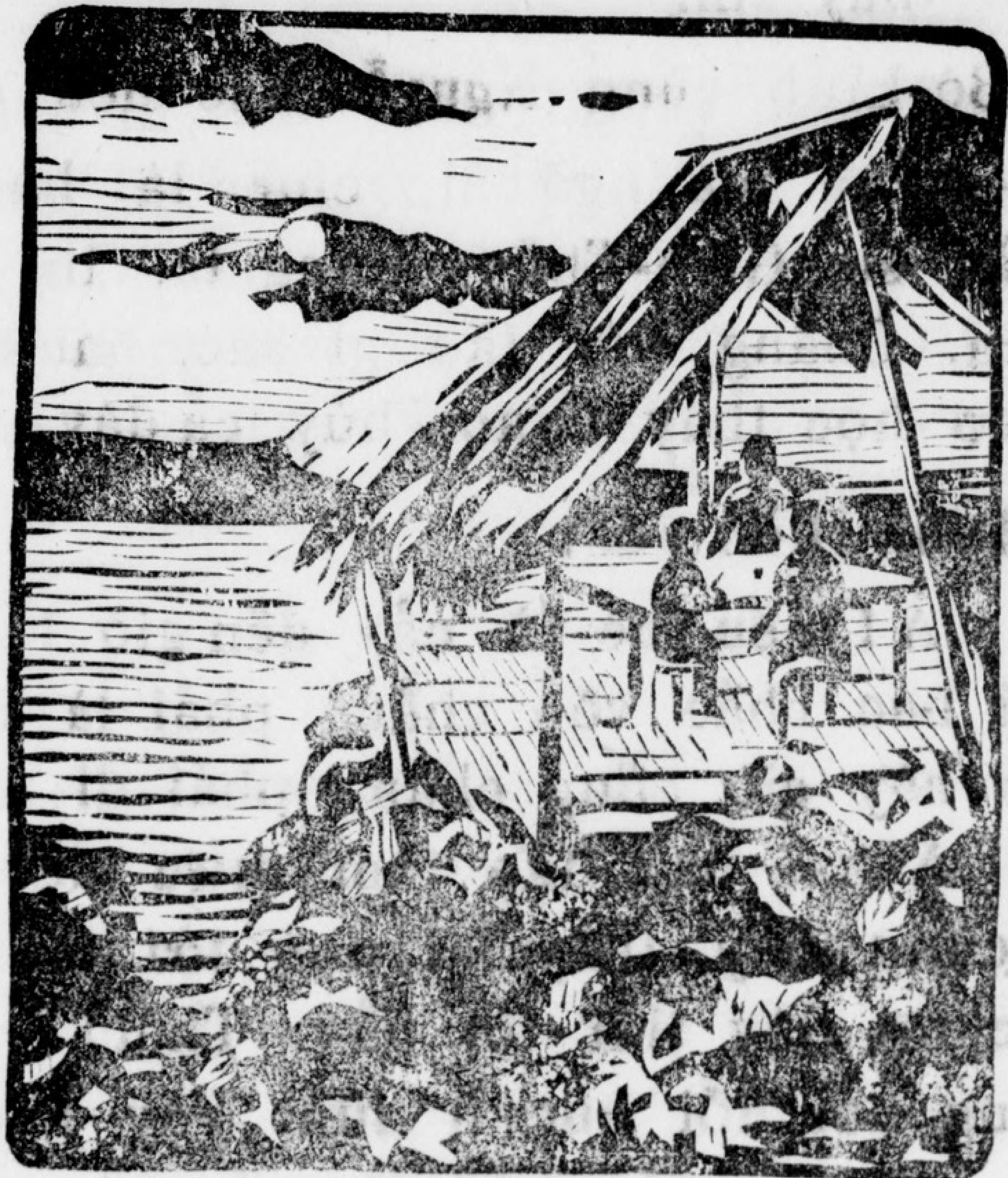
— Tên họ bần hàn dám đâu nhờ tại quý khách. Hai

(1) Người trong bốn bề đều là anh em cả.

bác đã có bụng quá yêu cho làm lễ tương kiến, vậy hẵng xin hỏi hai bác ở đâu lại? Và lại đây có việc gì không?

Bộ-Lĩnh nói :

Chúng tôi là người sơn già, cày cuốc sinh nhai, đồng lụt mất mùa phải đi tha phương cầu thực, ngang đường qua đây, lên núi du sơn, vào chùa vãn cảnh, cũng chẳng có việc gì ở đây. Nhân đã được tiếp tôn nhan, muốn được biết quý tính phương danh, làm quen với nhau,



Cảnh đêm trăng trên núi,
ba người ngồi nói chuyện.

thêm được một người bạn, ấy trong bụng ước ao như thế. Nay tôn sư không thêm nói cho biết tên họ, có dễ tôn sư thấy chúng tôi nhân phẩm hèn hạ không được phải lừa ngang hàng chẳng? Có vậy thì chúng tôi cam hèn giữ phận hèn, không dám mong gì cú sánh cùng tiên, gà bầu với hạc.

Chủ nhân nói :

— Chết nỗi! sao bác dạy quá lời như vậy, tôi tui cái tên họ bần hàn, chưa dám trống qua cửa sấm. Thưa hai bác, tôi họ Đinh tên Điền, năm nay vừa mười chín tuổi; dám xin hai bác cũng cho tôi được tương quý-tính phương-danh.

Bộ-Lĩnh nói :

— Bác họ Đinh tên Điền, chẳng hay có phải là Đinh-Điền học trò ông sư Giao-Thủy trước đây chẳng?

Đinh-Điền nói :

— Sao bác lại biết thầy tôi là ông sư Giao-Thủy ?
Chính phải, tôi trước có theo đòi được năm ba chữ
với thầy tôi.

Bộ-Lĩnh cùng Nguyễn-Bặc đều cả cười mà rằng :

— Thế mà ngỗ ai, chứ là bác Đình-Điền học từ
thầy sư Giao-Thủy chúng ta, thì chúng ta còn lạ gì
nữa. Chẳng nói dẫu gì bác, hai đứa tôi cũng đều có
theo học thầy Giao-Thủy cả đây.

Đình-Điền nói :

— À ! nếu thế từ nãy đến giờ hai bác nói dối tôi cả,
hai bác chắc vốn chẳng phải là cày cuốc sinh nhai,
mà bây giờ cũng chẳng phải đi tha phương cầu thực,
tất là hai bác đắp tâm mưu đồ nghiệp lớn, có ngỗ
ý cùng thầy, thầy lại nhớ tới tên tôi mà bảo cho hai
bác tới đây tìm tôi hẳn. Thôi ! phải thú thực ngay đi,
đừng nói dối quanh nữa. Vậy bác (chỉ Bộ-Lĩnh) tên
họ gì ? bác kia (chỉ Nguyễn-Bặc) tên họ gì ? nói cho
tôi biết.

Bộ-Lĩnh nói :

— Tôi họ Đình tên Bộ-Lĩnh.

Nguyễn-Bặc nói :

— Tôi họ Nguyễn tên Bặc.

Đình-Điền hỏi :

— Tôi hỏi khi không phải, Đình-bộ-Lĩnh chẳng hay
có phải lệnh-tử quan cố Thứ-sử châu Hoan đấy chẳng ?

Bộ-Lĩnh đáp :

— Thừa phải. Cụ tôi lúc mất đi, tôi còn bé dại lắm,
theo mẹ về ở quê nhà, chăn trâu đốn củi, đắp đổi,
tháng ngày việc học hành thao luyện sao nhãng mất
cả, nhờ được mẹ tôi dạy bảo, chỉ cho biết con đường
lập thân xử thế, mới không đến nỗi đặc cán mai quá
như các trẻ mục đồng kia, sau nghe thầy Giao-Thủy
ta học rộng tài cao, có theo học được non vài năm,

kinh sách lược thao thiệp lập được một đôi chút, nay đã đến kỳ khôn lớn không lẽ làm một tên mục tốt cho đến suốt đời, muốn lo chút công danh ở đời, bèn tới thỉnh giáo với thầy ta thì thầy ta dạy có bác cùng bác Nguyễn đây cũng là học trò thầy, nên tìm được hai người ấy cùng nhau bàn định công việc. Tôi liền vào trong động Hải-nham tìm bác Nguyễn rồi dắt bác Nguyễn cùng ra im bác đây. Vậy chẳng hay sao bác lại biết tên họ cụ tôi mà đoán ngay tôi là con cụ tôi thế ?

Đình-Điền nói :

— Thưa bác, tôi vốn cũng giống giõi họ Đình ta, ông thân-sinh tôi trước cũng vẫn truy tùy dưới cờ lệnh cụ lớn ta, thuở nhỏ cùng mẹ tôi cũng theo ông thân sinh tôi vào ở châu Hoan, năm tôi lên bốn, lên năm, đã được nghe oai tiếng cụ lớn ta lừng lẫy cả một góc trời, trong khoảng Hồng-Lĩnh, Lam-Giang, đến tấc cỏ ngọn cây cũng đều mến phục ; sau chẳng may ông thân sinh tôi thất lộc, chẳng bao lâu mẹ tôi cũng từ trần, tôi cơ khổ lênh đênh, vào trong rừng ở với muông mán, học được ít môn thuốc, đi chữa bệnh rong cho người, thấy thời buổi loạn - ly, tự nghĩ làm trai thì loạn mà như mình tài hèn sức kém làm gì nên thân, bèn lần mò đến thầy Giao-Thủy ta kiếm năm ba chữ. Khi tôi ở trong rừng được tin cụ lớn ta cưới sao châu giời, cụ lớn bà cùng công tử về ở quê nhà, cách trở sâm thương, không biết đâu mà thăm dò tin - tức, ai ngờ tướng môn xuất tướng, nay lại được gặp công-tử đây có khí độ hơn người, có tài đức xuất chúng, khiến cho nòi giống họ Đình ta vẻ vang cùng đất nước, phận hèn này cũng được tựa cánh nương vậy, vinh hạnh biết thế nào mà kể xiết ! nay dám thưa công-tử, cụ lớn bà ta bây giờ vẫn còn mạnh khỏe chứ, người vẫn ở quê nhà trong động Hoa - lưu phải không ?

Bộ-Lĩnh mừng quá, ôm lấy Đình-Điền mà rằng :

— Ngõ là ai, chẳng hóa ra cũng cùng trong hòn máu họ Đinh ta, trong nghĩa bạn bè thêm tình tôn-tộc, mẹ tôi nhờ trời bây giờ vẫn còn được mạnh khỏe, hiện ở quê nhà trong động Hoa-lư.

Nguyễn-Bặc vốn người nóng tính, vỗ tay nói to lên rằng :

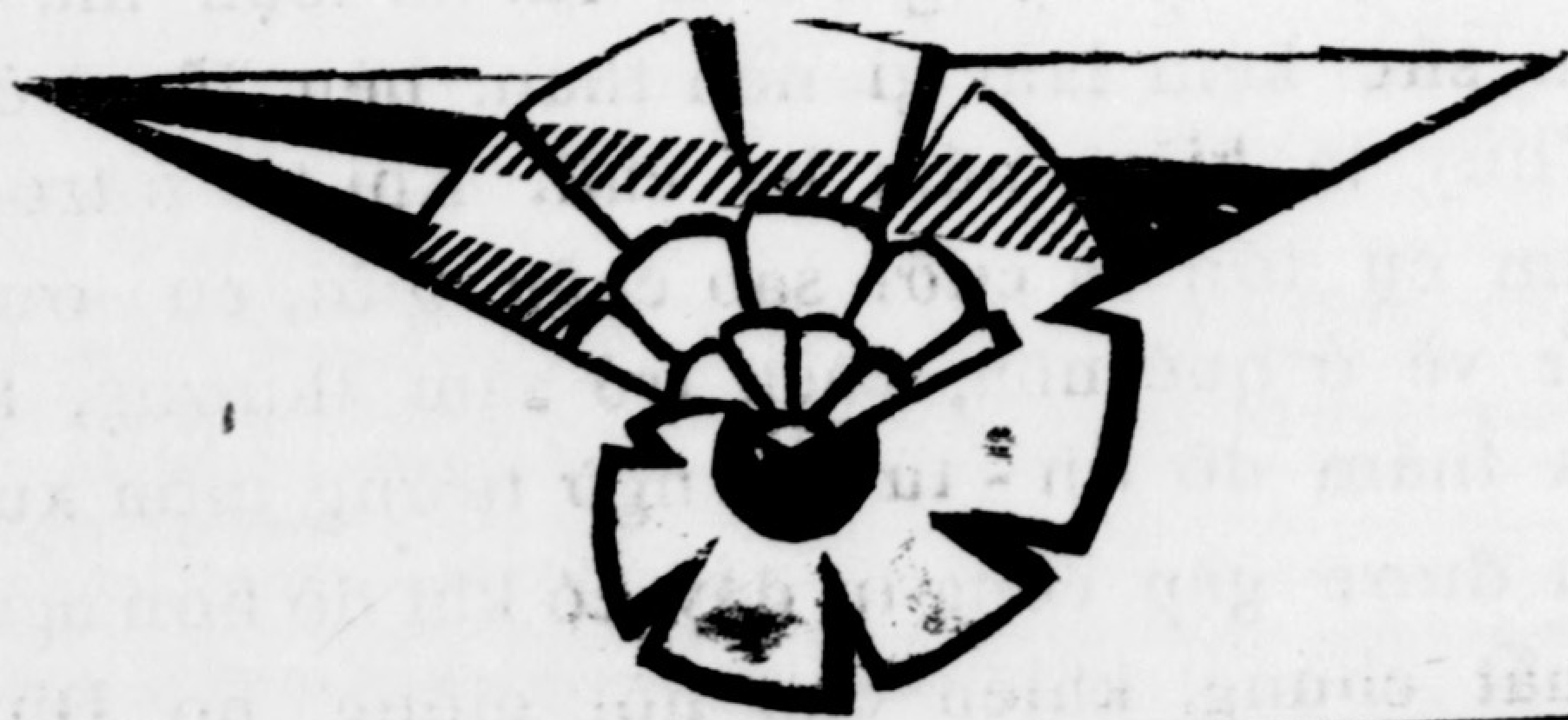
— Thôi, nay ba anh em mình đã gặp nhau đây, cơ trời tác-hợp, thiên lý tương phùng (1), lòng đã tỏ lòng, già đã một già, ta nên đem cái đầu bài chính ra mà cùng nhau bàn soạn ; thì giờ như tên bắn, cái già sông-sọc sắp theo sau : hai bác cứ còn ngồi mà kể mãi chuyện gia-tình thì hết đêm bây giờ mà đến hết tháng hết năm lúc nào không biết nữa !

Bộ - Lĩnh nói :

— Phải, bác Nguyễn nói phải đấy. Nay anh em mình gặp nhau đã cùng nhau một già. Tôi hằng xin hỏi hai bác một điều này : Chúng ta bây giờ định ra kiếm công lập nghiệp với đời, thì trong các sứ-quân xưng hùng cát cứ, dâm-dịch nghênh-ngang đó, chúng ta định theo phò ai hơn ?

(Còn nữa)

(1) Xa cách ngàn dặm mà gặp được nhau :



Lệ mua báo phải giả tiền trước. Những thư mua báo không kèm ngay mandat hay timbres postes, tòa báo không gửi và không trả lời

tin tức
◦ TRONG LÃNG VẦN ◦

MẤY CÁI GIẢI THƯỞNG VĂN CHƯƠNG
VÀ GIẢI THƯỞNG NOBEL VỀ VĂN - HỌC

Điện tín ở Stockholm ngày 13 Novembre 1932 báo cho hay rằng giải thưởng Nobel về văn - học đã tặng cho một văn-sĩ Anh tên là Galsworthy.

Điện tín ở Paris ngày 14 Novembre 1932 thông tin rằng Hàn-lâm viện nước Pháp đã tặng giải thưởng văn chương 10,000 quan cho ông Franc Nobain về tất cả các sách vở của ông và giải thưởng tể-thuyết 5,000 quan cho ông Jacque Chardonne về quyển truyện nhan là Claire.

Điện tín ở Paris ngày 17 Novembre 1932 lại đưa một tin nữa về văn-học là giải thưởng Grégoire 10,000 quan cốt để thưởng lệ cho người làm bài báo tự sự hay nhất trong một năm thì năm nay đã phát cho ba ông : Garville Réacbe và Mathieu về bài báo đề đầu là « l'Enfer du ciel » đăng trong nhật báo *Matin*.

●

Vậy giải thưởng Nobel là giải thưởng gì ?

Chính là giải thưởng do ông Nobel sáng lập ra. Ông tên Alfred, họ Nobel, người nước Thụy-Điễn (Suède) sinh ở thành Stockholm ngày 21 Octobre 1834, mất tại tỉnh Syd Runo ngày 10 Décembre 1896, thọ được 63 tuổi.

Năm ông lên bốn (1837), ông theo cha sang ở thành Saint Pétersbourg (Nga) mãi đến năm 23 tuổi, ông mới trở về quê nhà, chuyên khảo về hóa học, chính ông đem chất nitroglycérine vào nghề làm thuốc nổ trước tiên, bấy giờ là năm 1862, nhưng chất này là chất nguy hiểm, cái nhà thí nghiệm của ông bị cháy vì chất ấy vào

năm 1864 ; rồi cùng một lúc đó ở Đức và ở Mỹ, các xưởng chế tạo thuốc nổ nào mà dùng chất ấy cũng bị cháy cả, bởi thế các nước mới phải can thiệp vào, định cấm không cho dùng nữa.

Ông liền nghĩ lấy chất silice trộn vào thuốc nổ để cho bột kích liệt, mà phát minh ra thứ thuốc cốt mìn (Dynamite) để thay cho các chất khác. Thứ này được việc cho các nhà khai mỏ và các nhà cầm quân lắm. Năm ấy là năm 1867, ấy thế mà chẳng bao lâu, ông đã mở ra ở Âu-châu và Mỹ-châu đến hơn 20 cái xưởng làm thuốc nổ. Chánh-phủ Pháp và Ý khi ấy trọng dụng ông lắm. Ông nhân đấy mà thế lực càng mạnh, lại thêm việc buôn dễ dàng, tiền của nhiều, nên lần lần ông lập ra nhiều xưởng to tát ở khắp các địa hạt lớn bên Âu-châu. Ông không những chuyên làm thuốc nổ mà ông lại còn phát minh được nhiều thứ khác như chất làm cho các thứ súng khỏi mòn, chất thuốc súng chụp hình thế trong nháy mắt, chất làm cao xu giả v.v.

Ông giỏi như thế, giàu như vậy, mà ông lại thêm được tính hào hiệp lắm. Chính ông giúp một nửa tiền phí cho bọn ông André đi thám hiểm ở Bắc - Cực ngày xưa mà mới năm ngoái đây người ta đã tìm được vết tích làm rằm một góc Hoàn-cầu đó.

Khi ông mất, ông làm tờ di chúc để gần hết của cải tính ra hơn 50 triệu quan, lập ra 5 giải thưởng hằng năm rất lớn mỗi giải 300 nghìn quan : giải thứ nhất thứ nhì thứ ba để thưởng cho ba người nào đã phát minh hay sáng chế, hay cải cách được thứ gì thuộc về hóa-học, sinh-lý học và y-học ; giải thứ tư để thưởng cho người nào soạn được quyển sách nào lý tưởng cao hơn hết hay có công về văn-học ; giải thứ năm để thưởng cho người nào tìm cách gây tình thân ái trong dân-tộc, duy trì cuộc hòa bình ở thế giới. Bốn giải trên để các hội bác-sĩ nước Thụy-điển (Suède) phát còn giải thứ năm để quốc-hội nước Na-Uy (Norvège) phát.

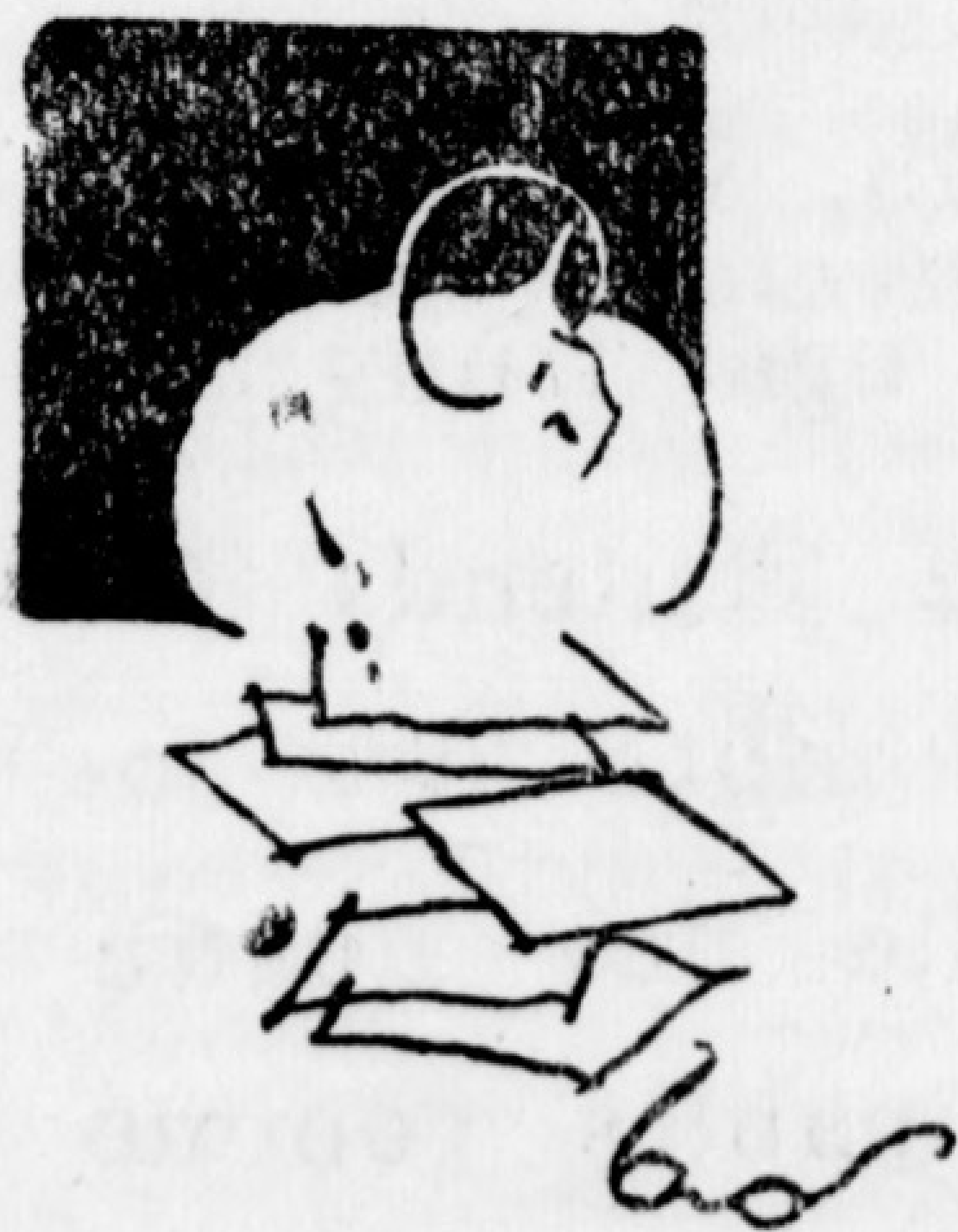
Mấy giải này bất cứ người xứ nào nước nào, cũng đều được dự cả.

Năm kia, ông Briand, nhà ngoại-giao trứ danh ở nước Pháp được giải hòa bình; bên Ấn-Độ thì ông Rabin-dranath Tagore, nhà thi-sĩ có tiếng cũng được giải văn-học

Đó là về giải Nobel, còn các giải kia, trong một số báo sau, chúng tôi sẽ nói dần dần để bạn Độc-giả hiểu qua cái lai lịch và cách thức ra sao.

Trước khi dừng bút, chúng tôi mong rằng các bậc phú hào trong nước ta nếu có tiền của thì không nên phí về những cái hư danh vô ích như làm ma chay cho sang trọng, xây đình chùa cho lộng lẫy, cầu phẩm tước cho cao quý mà đem khuyến khích kích lệ treo lấy ít giải thưởng về văn-học, khoa-học, như ông Nobel này thì chẳng cũng là một sự vẻ vang cho cái bán đảo chữ S này lắm du ?

KH. S.



HỘP THƯ

Ông Trương - Khương Sóc - trang. — Về việc Thời báo, xin ông cứ viết thư hỏi ông Phùng-Văn-Long là quản lý báo ấy trước thì sẽ rõ.

Ông Ngô Đại Nha trang. — Được thư ông Hoàn nhắc rằng số 1, 2, số 3 ông không tiếp được, tôi dở sổ thì thấy đề : ngày 9-9 - 1932 có gửi đề ông xem 3 số ấy vì thư ông gửi ra mua đề ngày 1-9-1932 Xin ông hỏi nhà Bưu-Chính xem. Nếu không có, ông cho tôi biết.

Cô Lâm-thị Bế Soctrang. — Chúng tôi có gửi số 4 cho cô, cô không tiếp được, tôi không hiểu tại sao. Để chúng tôi hỏi nhà giấy thép ở đây xem.

Ông Trợ-giáo trường Đức-thọ Hà-Tĩnh. — Số 2, 3 đương in lại khi nào xong sẽ gửi ông xem. Ông không cần phải nhắc.

CHINH - PHỤ NGÂM

DỊCH RA PHÁP - VĂN

(Tiếp theo)

201. — Gà eo-óc gáy sương năm trống,
Hòe phất-phơ rủ bóng bốn bên.
Khắc giờ dăng-dăng bảy niên,
Mỗi sầu dăng-dặc tựa miền bể xa.

205. — Hương gương đốt, hồn đà mê mải,
Gương gương soi, lệ lại chứa chan.
Sắt cầm gượng gầy ngón đàn,
Dây uyên kinh đứt, phiếm loan ngại trùng,

Durant les cinq veilles de la nuit, j'entends les chants agaçants du coq et je regarde l'ombre des sophoras agités par le vent qui se projette des quatre côtés. Les heures me paraissent interminables comme des années et ma tris'esse est infinie ainsi que la mer immense.

Fais-je des efforts pour brûler des parfums, mon âme se trouble aussitôt. Essaie-je de me regarder dans un miroir, mes larmes s'épanchent abondamment. Quand je pince du luth ou de la lyre, mes doigts tremblent d'émotion si bien que les fils rompent et les sillets chancellent.

PLAINTES DE LA FEMME D'UN GUERRIER

Poème populaire annamite

Traduction littérale et interprétation française

PAR UYÊN-TOÀN

(Suite)

201. — (Les) coqs agaçants chantent (sous la) rosée (durant (les) cinq veilles de la nuit [*lit.* : (coups de) tamtam_s annonçant les veilles] ;

(Les) sophoras agités (par le vent) projettent (leur) ombre (des) quatre côtés.

(Chaque) quart d'heure, (chaque) heure dare combien : (des) années.

(Mes) sentiments tristes (sont) infinis comme (la) mer immense.

205 — (Si des parfums, (je) fais des efforts (pour en) brûler, (mon) âme déjà (devient) toute hébétée ;

(Si dans le) miroir, (je) fais des efforts (pour) me regarder, mes larmes de nouveau s'épanchent abondamment.

(Si du) luth (ou de la) lyre, (je) m'efforce (de) pincer (avec mes) doigts habiles [*lit.* : musicaux],

(Les) fils (de) canard mandarin (1), (à cause de la) peur, rompent (et les) sillets (de) phénix (1), (à cause de l')inquiétude, chancellent.

1) *Uyên*, canard mandarin mâle, et *ưong*, canard mandarin femelle, qui vont toujours ensemble symbolisent l'union conjugale. Il en est de même des oiseaux *loan*, phénix femelle, et *phụng*, phénix mâle.

209. — Lòng này gửi gió đông có tiện,
 Nghìn vàng xin gửi đến non Yên.
 Non Yên dầu chẳng tới miền,
 Nhớ chàng đằng đẳng đường lên bằng giới.

213. — Giới thăm thăm xa vời khôn thấu
 Nỗi nhớ chàng đau đáu nào xong.
 Cảnh buồn, người thiết tha lòng,
 Cảnh(hình) cây sương đượm, tiếng trùng mưa phun.

217. — Sương như búa, bổ mòn gốc liễu.
 Tuyết nhường cưa, sẻ héo cảnh ngô.
 Giọt sương phủ bụi chim gù.
 Sâu tường kêu vắng, chuông chùa nện khơi.

Si je pouvais charger le vent de l'Est de vous transmettre les sentiments de mon cœur, je le ferais volontiers quand même j'aurais à dépenser mille taëls d'or. Mais il est difficile de parvenir jusqu'au mont Yên où vous êtes. Si je songe sans cesse à vous, la distance qui nous sépare est bien longue, aussi longue que la route qui mène au Ciel.

Le ciel est lointain et il est difficile d'y parvenir, seul votre souvenir me poursuit toujours sans jamais me lâcher. Bien plus, la tristesse de la nature augmente la douleur de mon cœur. Des branches d'arbres sont trempées de rosée. Des insectes crient sous la pluie. Comme des coups de marteau, des gouttes de rosée rongent le tronc du saule; pareille à une scie, la neige coupe les branches du platane. Dans les buissons, des oiseaux roucoulent, le corps recouvert de rosée. Au pied des murs, des insectes font entendre leurs cris monotones et, dans le lointain, résonne la cloche d'une pagode.

201. — (Si les sentiments de) mon cœur pouvaient (être) transmis (jusqu'à vous par le) vent (de l')Est,

(Quand même j'aurais à dépenser) mille (taëls) d'or, (je) demanderais (à les) envoyer jusqu'(au) mont Yên (1).

Au mont Yên, il n'(est) pas (possible de) parvenir.

(Je) songe (à) vous sans cesse, (mais la) route (est) longue) comme (pour) monter (jusqu'au) ciel.

213. — (Le) ciel (est) bien lointain (et il est) difficile (d'y) parvenir.

Votre souvenir (me) poursuit toujours (sans) jamais finir.

(Le) paysage (est) triste, (l')homme souffre (dans son) cœur :

(Les) branches (d')arbres, (par la) rosée, (sont) mouillées; les cris (d')insectes (se font entendre sous la) pluie fine.

217. — (La) rosée comme (un) marteau, frappe (et) use (le) tronc (du) saule ;

(La) neige, telle (une) scie, coupe (et) dessèche (les) branches (du) p'atane.

(Des) gouttelettes (de) rosée recouvrent (les) buissons (où des) oiseaux roucoulent ;

(Des) insectes, (au pied des) murs (font entendre) (leurs) cris monotones (et la) cloche (d'une) pagode résonne (dans le) lointain.

(A suivre)

1) Il s'agit du mont Yên-nhiên qui se trouve dans la Mongolie extérieure. Cette expression est employée ici pour désigner les frontières lointaines.

Dịch Hán-văn

VIÊNG MẢ

Ông Thạch Mạn-Khanh

*của ông ÂU-DƯƠNG-TU là một nhà văn-học có tiếng
về đời Tống bên Tàu*

Hỡi ôi Mạn-Khanh ! Sống khôn chết linh. Người ta có cái cùng với muôn vật cùng còn cùng mất, tạm tụ trong một thời-kỳ ngắn-ngủi mà lại về chỗ hư không, ấy là cái hình. Nhưng người ta còn có cái không cùng với muôn vật cùng hết, lưu truyền mãi đến đời sau, ấy là cái danh. Từ xưa thánh hiền cũng đều thế cả, mà đến nay còn như mặt trời ngôi sao sáng tỏ, ở trong sử sách rành rành.

Hỡi ôi Mạn-Khanh ! Tôi cách mặt bác đã lâu lắm, vẫn còn phảng-phất (1) nhớ bác lúc bình sinh (2). Cái tài khí bác hiền ngang lối lạc, đột-ngột tranh-vanh (3), tôi tưởng dù có chôn vùi dưới đất cũng không hóa

làm đất mục mà sẽ hóa làm ngọc trắng vàng tinh, không thì cũng sinh ra cỏ chi chín khóm sắc đậm hương thanh, không thì cũng sinh ra cây thông ngàn thước tốt lá đẹp cành. Làm sao mà chỉ thấy khối đồng cỏ nội, gai góc tung hoành (4), sương sa gió thổi, mấy cái ma chơi đom - đóm lập lờ cái đỏ cái xanh, thuyền thoảng có một vài kẻ chèo trâu hái củi nghèo ngao hò bát đi lên đi xuống lượn xung quanh, cùng với tiếng muông kêu, tiếng chim hót như than như khóc lúc tàn canh. Bây giờ đã như thế, lại trải trăm đời ngàn kiếp nữa, biết đâu chẳng thành ra hang chồn lỗ chuột nhớp nhúa.

1) Tưởng tượng như trông thấy ở trước mặt.

2) Lúc ngày thường còn sống.

3) Hiền ngang là tả cái khí-phách giọc ngang trời đất vùng vẫy non sông không cam lui-sùi hèn mọn. Lối-lạc là tả cái tài lạ-lùng sắc-sảo, đột ngột tranh vanh là tả cái tài cao tột khác thường.

4) Cái giọc cái ngang bừa bộn.

hồi tanh. Đấy từ xưa thánh hiền cũng đều thế cả, này chẳng thấy chan chan những khoáng-giã (1) với hoang-thành (2).

Hỡi ôi Mạn-Khanh ! Cái lễ hợp tan còn mất, ta vẫn biết là như thế, mà chệnh niêm nhớ cũ,

không biết đôi hàng giọt lệ tự đâu lã-chã tuôn xuống thình-linh. Ngẫm mà then với bậc thái-thượng vô tình (3).

Hỡi ôi Mạn-Khanh ! có linh xin hưởng.

Tê ông Đỗ-Công

của ông ÂU-DƯƠNG-TU

.... Rằng : người ta làm quan, ai chẳng muốn sướng, mặc tốt ăn ngon, xe lên ngựa xuống. Ông làm tướng thần (4), tưng phụng kiệm bạc (5), như người học-trò, đỗ com bầu nước, người ta về hưu, ai chẳng muốn nhàn, vui con vui vợ, du thủy du sơn. Ông dẫu ở nhà, yêu nước một lòng, như lúc tại chức (6), lo lắng việc công.

Ôi ! làm quan mà không lấy giàu sang làm thích, về hưu mà không hề quốc - sự nguôi tâm, cho nên ở mình làm càng già

càng găng, mà người ta tin càng lâu càng thâm.

Người ta mến ông, có bao giờ chán. Thọ sao không nhiều, tám mươi mà hạn.

Nghe tin ông mất, kẻ dân-giã còn than khóc đầy đường hưởng kẻ ngu này thường cùng ông truy-tùy (7) khuya sớm, vốn được ông thương. Vì ở xa trong triều, bó buộc về chức phận, không đi tới được mà đưa tang, tâm-hương (8) một vô, ai lệ (6) đôi hàng.

Hỡi ôi ! thương thay, xin hưởng.

TUYẾT-HUY

1) Cánh đồng rộng.

2) Chỗ thành hoang.

3) Bậc người trên tốt không còn có tính hệ lụy gì ở đời cả.

4) Quan tể-tướng đầu triều

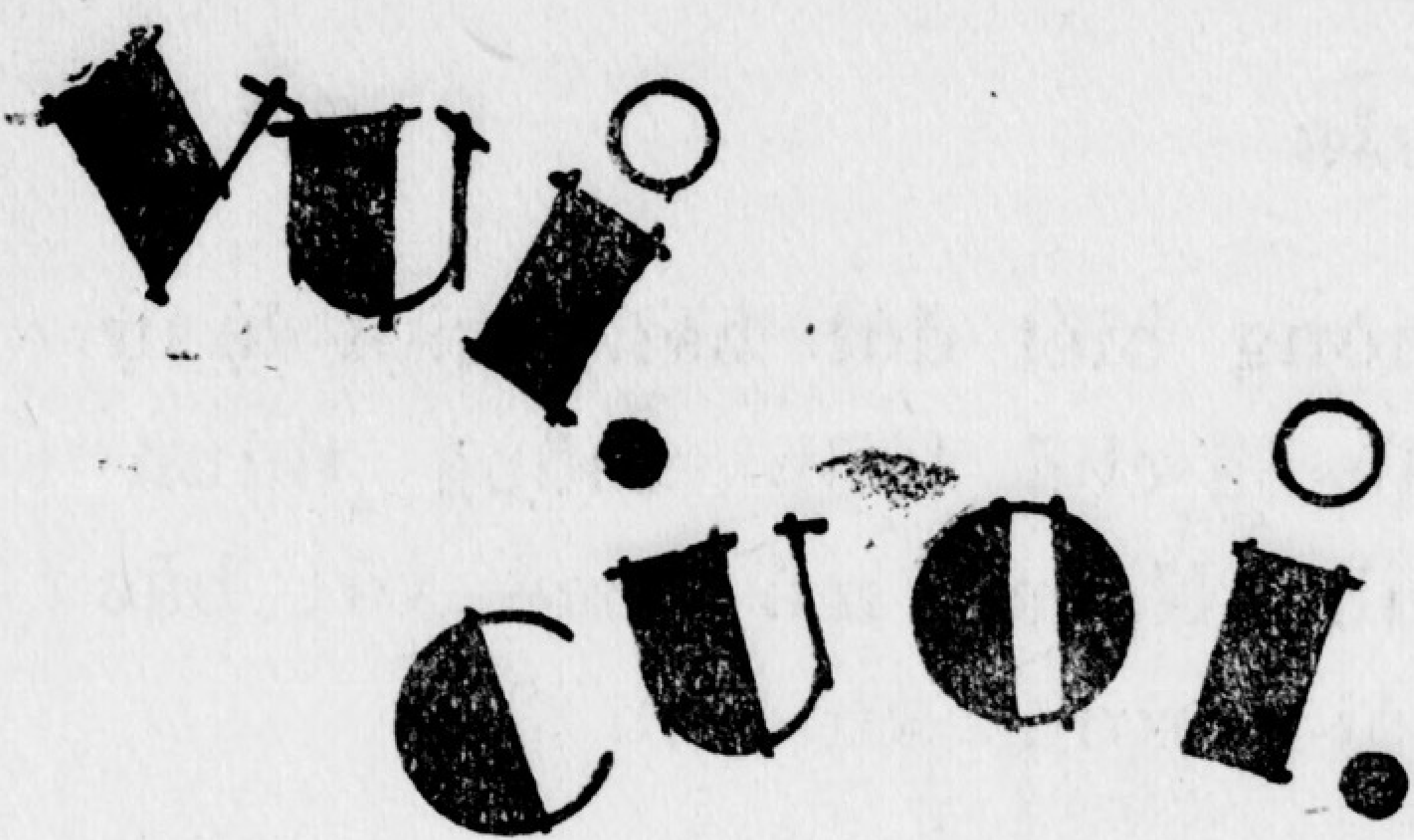
5) Các cái cung phụng cho mình rất dè xẻn đạm bạc

6) đương ở chức quan

7) Theo hầu

8) lấy cái bụng thành kính mà thờ làm như nén hương thờ

9) nước mắt khóc thương.



CẢI CHÍNH

Ông chủ báo Thủ-cự kia một hôm gọi người trợ-bút lại mà gắt :

— Số báo vừa rồi có đăng một bài phú rất hay. Bài ấy của ông Tú-Xương. Thế mà ông đem đăng lên báo, ông lại ký tên ông ở dưới. Bây giờ tôi nhận được nhiều thư đến phản kháng việc đó, ông tính sao cho ra khỏi bước này !

Nhà trợ-bút nghĩ một lát rồi nói :

— Việc đó không khó gì, ông cứ để mặc tôi.

Quả nhiên số báo sau, trang đầu có đề một cột riêng kính cáo độc-giả :

— « Báo Thủ-cự là báo của toàn những người có học thức, có tư tưởng, biết rộng xem nhiều. Muốn tỏ cho các báo khác biết, bản-báo số trước có đăng một bài phú của ông Tú-Xương mà

dưới ký tên khác đề thử. Quả nhiên mấy hôm sau, bản - báo nhận được rất nhiều thư của các Ngài mua báo gửi về cải chính, bảo bài phú đó của ông Tú-Xương.

Xem như vậy thì chứng cứ rõ rệt rằng độc-giả của báo Thủ-cự toàn là những người có học thức, biết rộng xem nhiều vậy. Bản-báo rất cảm ơn những ngài đã viết thư về cải chính đó ».



CHỮ THIÊN TRỜI ĐẦU

Văn-sĩ Nam, người hay chữ nhưng hiểu sắc, một hôm gặp một ả trông đã nhớn tuổi và sinh đẹp, nhũn nhặn, có ý muốn gheo, mới ướm :

Thấy em, cũng muốn làm quen,

Lại sợ em có chữ thiên trời đầu.... (1)

Không ngờ ả nọ cũng là tay xính thơ, vừa nghe bác ta đọc xong liền nói luôn :

Anh ơi ! chớ nói thêm rầu,

Chữ thiên trời đầu lại có phết vai.... (2)

Ấy thế là hai anh chị làm quen đó...



1) Chữ thiên (天) là trời, trời đầu là chữ phu (夫) là chồng.

2) Chữ phu (夫) là chồng có phết vai là chữ thất (失) nghĩa là mất. Câu này ý nói có chồng nhưng chồng chết rồi.

TỰ-HỌC TIẾNG ẮNG-LÊ

(THEO CÁCH MAU BIẾT NÓI)
DƯƠNG - TỰ - NGUYÊN

(Tiếp theo)

Những giọng khó đọc. — Tiếng Ắng-lê có nhiều giọng: rất khó đọc, không thể lấy vần chữ Pháp và vần Quốc-ngữ mà chưa âm cho đúng được. Mỗi nước có một giọng nói riêng, cho nên những tiếng nào mà giọng nói của mình không có tức là những tiếng khó chưa cho đúng. Chỉ có một cách lựa chọn những vần gần đúng nhưt mà chưa, khiến cho kẻ khác đọc lên cho những người biết tiếng Ắng-lê nghe qua cũng có thể hiểu ngay được là tốt lắm rồi. Thí dụ như những chữ sau này:

CHỮ ẮNG-LÊ	cách Chưa âm của người Ắng - lê	Cách chưa âm của người Pháp	Cách chưa âm của V. H. T. C.
CH — CHIN	<i>Chⁱⁿ</i>	<i>Tchinn</i>	<i>Ch'in</i>
CHEEK	<i>Ch^{ek}</i>	<i>Tchic</i>	<i>Ch'ic</i>
TI — CHRIS-	<i>Kris'chan</i>	<i>Cris tchiann</i>	<i>Khris ch'en</i>
TIAN			
TE — RIGH-	<i>Ri^t'chus</i>	<i>Raitcheuse</i>	<i>Rach-ch'ơ s</i>
TEGUS			
GE — GEM	<i>J^{em}</i>	<i>Djemm</i>	<i>Chem</i>
J — JOIN	<i>Join</i>	<i>Djoïnn</i>	<i>Cho in</i>
DI — SOLDIER	<i>Sôl'jêr</i>	<i>Soldjer</i>	<i>Sôl-chờ</i>
P — PEN	<i>Pen</i>	<i>Penn</i>	<i>P'en</i>
POOR	<i>Pôor</i>	<i>Pour</i>	<i>P'ua</i>
TH — THIN	<i>Thin</i>	<i>Thinn</i>	<i>Th'in</i>
THEN	<i>Then</i>	<i>Theenn</i>	<i>T'hen (đen)</i>
THE	<i>Th^l, the (1)</i>	<i>Thi</i>	<i>T'hi (đi)</i>

(1) Chữ THE có hai giọng. Khi đứng trên chữ « nguyên âm » (voyelle) thì đọc là *t'hi* (giọng *i* của Annam); khi đứng trên chữ « phụ âm » (consonne) thì đọc là *t'hơ* (giọng *ơ* của Annam), Thí dụ như: The engine (*t'hi en'chin* (cái máy; the pen (*t'hơ p'en*), cái bút.

Giọng CH, TI và TE : Mấy chữ này cùng có một giọng như giọng *ch* của mình, nhưng phải đọc mạnh và cho phỉ hơi ra nhiều. Xin chua là *ch'* (có dấu phẩy ở đằng sau để cho phân biệt với giọng *ch* thường).

Giọng này trong tiếng Pháp không có, nên các nhà làm sách phải chua là *Tch* là vẫn gần đúng hơn hết.

Giọng GE, J, và DI : Mấy chữ này cũng có một giọng gần như giọng *ch* của mình, cũng phải đọc mạnh nhưng không cho phỉ hơi ra nhiều.

Tiếng Pháp không có giọng này; nếu chua là *dj*, đọc lên cũng được gần đúng.

Giọng P : Khi đọc phải ngậm hai môi lại, rồi phỉ hơi ra thật mạnh cho bật hai môi ra. Ta đã biết rằng đọc chữ *R* phải làm cho rung động cái đầu lưỡi lên; vậy khi luyện tập để nói cho đúng giọng *P* của Ăng-lê ta cứ đọc như giọng *P* của mình, nhưng phải phỉ hơi cho thật mạnh để cho rung động hai môi, dần dần có thể đọc đúng được. Xin chua là *P'* (có dấu phẩy ở đằng sau để cho phân biệt với giọng *P* thường).

Trong tiếng Pháp không có giọng nào giống như giọng này, và cũng không biết lấy chữ gì ghép với chữ gì mà chua cho đúng được. Duy có tiếng Quảng-đông nước Tàu là có giọng nói đúng như giọng chữ *P* của Ăng-lê.

Giọng TH : Trong tiếng Ăng-lê, duy có giọng này là khó thứ nhất. Không những là người Annam, chính người các nước có khi học đến 3, 4 năm tiếng Ăng-lê mà nói vẫn chưa được thật đúng.

TH có hai giọng: Một là giọng đọc không tiếng ran (Ăng-lê gọi là *Surd*), hai là giọng đọc có tiếng ran (Ăng-lê gọi là *sonant*). Hai giọng này ở Văn-Học Tập-chí số 2 đã tạm giải nghĩa là giọng đọc nhẹ và giọng đọc nặng để cho người mới học dễ hiểu.

1^o — Cách đọc giọng « không tiếng ran » phải để đầu lưỡi vào dĩa hai hàm răng rồi cho phì hơi ra cho thành tiếng. Thí dụ như ta đọc chữ « THIN », ta để đầu lưỡi vào dĩa hai hàm răng, cho quá ra ngoài một thí, rồi thở hơi ra từ từ cho thành tiếng. Khi luyện tập ta cứ để lưỡi như thế rồi cho xì hơi ra trước rồi hằng đọc thành tiếng sau, như *th...in*. Về giọng này có những chữ như: *thin, thing, think, thank, width, breath, thrive, v.v.* Xin chua là TH' (có dấu phẩy ở đằng sau để cho phân biệt với giọng *th* thường).

Tiếng Pháp không có giọng này, và cũng không có vần gì chua cho đúng được; cho nên trong các sách vở của người Pháp làm ra, có quyền chua là S, và có quyền chua là là TH, đọc lên không thể đúng được.

2^o — Cách đọc giọng « Có tiếng ran » cũng phải để đầu lưỡi ra ngoài hai hàm răng mà đọc, nhưng không cho thở hơi ra ngoài như giọng thứ 1 vừa nói trên kia. Về giọng này có những chữ như: *then, the, thus, father, with, breathe, northern, v. v.* Xin chua là T'H (dưới chữ T có dấu phẩy để cho phân biệt với giọng TH thường).

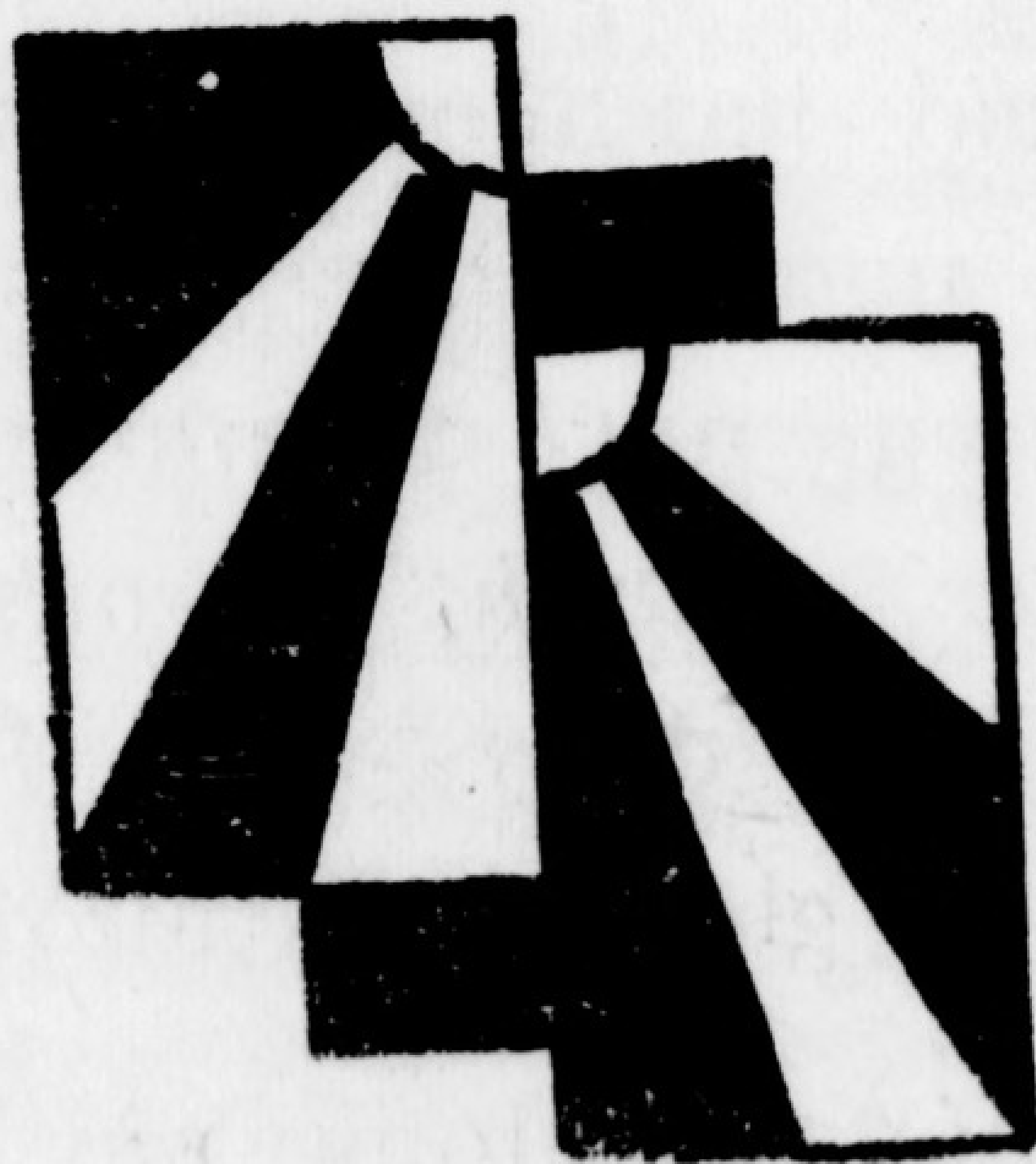
Tiếng Pháp không có giọng này, và cũng không có vần gì chua cho đúng được; cho nên trong các sách vở người ta chỉ chua là TH mà thôi.

Người mới học lại phải chú ý đến nhiều chữ « danh từ » dùng về số ít nói một giọng và về số nhiều lại nói một giọng khác. Có khi cũng một chữ dùng làm « danh từ » nói một giọng, mà dùng làm « động từ » lại nói một giọng khác. Thí dụ như những chữ sau này, về số ít thì đọc theo giọng thứ 1: *Bath, Cloth,*

lath, mouth, oath, path, wreath, moth ; về số nhiều thì đọc theo giọng thứ 2 : *Baths, cloths, laths, mouths, oaths, paths, wreaths, moths*. Những chữ sau này, dùng làm « danh từ » thì đọc theo giọng thứ 1 : *Breath, wreath, bath, mouth* ; dùng làm « động từ » thì đọc theo giọng thứ 2 : *Breathe, Wreathe, Bathe, mouth*.

TH còn một giọng nữa đọc như giọng chữ T của Ăng-lê (tức là giọng TH thường của Annam), như những chữ : *Thyme, Thomas, Thames, Esther*, và *Phthisic* (ph cầm). TH câm ở những chữ *Isthmus, Asthma*, v. v.

(Còn nữa)



Vì một lẽ riêng kỳ này không đăng được
 Thơ Văn và Việt Hán-Pháp từ-diễn.

TỰ' HỌC TIẾNG TÀU

(THEO CÁCH MAU BIẾT NÓI)
TIẾNG QUẢNG - ĐÔNG
DƯƠNG - TỰ - NGUYỄN

BÀI THỨ 20

請客便飯

MỜI KHÁCH DÙNG CƠM

檯。面
飯。餐
廚。肉
鷄。牛
燴。燒
羹。煲
羹。湯
生。菜。心
白。菜
熟。手
手。勢
手。起
响。手
出。食
發。信。

Thời, mìn
Phàn, sán
Sùy, dục
Cáy, ngàu
U-ni, siu
Chủy, pấu
Sàng sòi, thông
Pạc sòi sấm
Sục sàu
Sầu say
Hầy sàu
Cau sịc
Xuất phạt, phạt
sân.

Bàn, mặt
Cơm, tiệc
Bếp, thịt
Gà, bò
Tần, quay
Đun, nấu
Rau cải, canh
Hoa cải (súp lơ)
Tay giỏi
Tay khéo
Bắt đầu làm
Đủ ăn
Ra đi, gửi thư

特別。便。

Tắc pít, pìn

Đặc biệt, bình
thường

快子。刀。叉

Phai chỉ, lẩu, chá

Đũa, dao, siên
(phước sét)

今日係禮拜幾呢

Cám dật hày nầy
pài kĩ nì ?

Ngày nay là ngày thứ
mấy ?

今日係禮拜。

禮拜有乜野食

有好多野食

我問你有乜野食

你睇檯面

就知

真係有咁多野嘅。

我見有生菜。

白菜心燴雞。

燒牛肉。

咁多野响食

唔呢

你個廚係好

熟手。好噲

煮野嘅。

即時叫起手就

有野食。

佢燴雞第一好
手勢

係。佢煲湯頂
好手勢。

後日噲有客黎
標我

點解叫做客

唔係家內人。
叫做客

Cắm đặt hày lầy
pai

Lầy pai dậu mắt
dễ sịc ?

Dậu hầu tổ dễ sịc.

Ngộ mần nị dậu
mắt dễ sịc ?

Nị thầy thời mìn
chầu chi.

Chấn hày dậu cầm

tổ dễ kê. Ngộ kìn

dậu sáng sời, pạc

sời sấm, u-nị cày,

sìu ngàu dục

Cầm tổ dễ cau sịc
âm nị ?

Nị cô sùng hay hầu
sục sầu, hầu u-nị

chủ dễ kê.

Chic - si kiu hày
sầu, chầu dậu dễ

sịc.

Khị u-nị cày tay
dặt hầu sầu say.

Hày, khị pấu
thông tìng hầu sầu

say.

Hầu đặt u-nị dậu
hạc lầy tham ngộ

Tìm cái kiu chủ
hạc ?

Âm hày cá nội
dần kiu chủ hạc.

Ngày nay là ngày chủ
nhật

Chủ nhật có thức gì
ăn ?

Có nhiều thức ăn.

Tôi hỏi ông có thức
gì ăn ?

Ông xem trên bàn
kia thì biết.

Thật là có nhiều thức

ăn. Tôi thấy có rau

cải, hoa cải, gà lầu,

và thịt bò rán (quay)

Ngăn ấy thức có đủ
ăn chẳng ?

Bếp nhà ông là một
tay lão luyện, biết

nấu đồ ăn ngon

Hễ ông vừa gọi nó
làm thức ăn, chỉ

chớp mắt đã có thức

ăn ngay.

Nó tần gà thật là
một tay sành (giỏi)

thứ nhất.

Phải, nó nấu canh
ngon nhưt hạng.

Ngày mốt đây sẽ có
khách lại thăm tôi.

Làm sao lại gọi là
khách ?

Không phải người
trong nhà, gọi là

khách.

明日我請客

係特別請客
唔係

唔係係食便
飯嘅。
你點樣請呀

我見倒就咁。
唔見就發信
去請。
後日出發就
發信請客。

你想用快子。
定刀叉呢。

唔係做餐食
飯要用快子。

Ming dat ngô sêng
hac ?

Hày tặc pít sêng
hac âm hay ?

Âm hay, hay síc
pìn phàn kê.
Nị tìm đường sêng
a ?

Ngô kin tàu châu
kiu, âm kiu châu
phạt sân hui sêng.
Hau dat xuất phạt.
châu phạt sân sêng
hac.

Nị sửng dùng
phai chỉ, tìng tấu
chủ nì ?

Âm hay chủ sân.
síc phàn diu dùng
phay chỉ.

Ngày mai tôi mời
khách.

Có phải mời khách
một cách đặc biệt
(chân trọng) chăng ?
Không phải, mời ăn
cơm thường thôi.
Ông mời thế nào ?

Tôi gặp mặt sẽ mời.
nếu không gặp mặt
sẽ viết thư đi mời.
Ngày mốt ra đi (di
vãng) sẽ viết thư mời
khách.

Ông muốn dùng dĩa
hay dao và thìa ?

Không phải ăn tiệc
(cơm tây), ăn cơm
thường nên dùng
dĩa.

BÀI THỨ 21

CÓ BỊNH UỐNG THUỐC

有病食藥

危險聲氣心水車人神
大長傷藥貨病精

Ngày hỉm
Tài sêng
Sường hay
Sường sấm
Dược sử
Phô sế
Pềng dân
Chíng sần

Nguy hiểm
To tiếng
Dài hơi
Đau lòng
Thuốc nước
Xe hàng
Người bệnh
Tinh thần

冇力
辛苦
口乾

佢見口苦
都見口乾
佢見得好辛苦
係唔係冇力呢

冇精神唔做得工

今日真係辛苦

點解咁辛苦呢

昨日我話俾你知
點解咯

乜嘢食野多過頭
重未好番係唔
係呢

係定咯都未好番

佢係醫生
病人要請醫生

醫生時時俾好藥
嘅藥水過病人
飲

今日好番未呢

Mau líc
Sấn phủ
Hầu cốn

Khưi kiu hầu phủ,
tú kin hầu cốn.
Khưi kin tặc hầu
sấn phủ, hàỵ ăm
hàỵ mau líc nì?
Mau ching sấn ăm
chủ tặc cống.

Cấm dật chấn hàỵ
sấn phủ.
Tìm cái cấm sấn
phủ nì?

Choọc dật ngọ ờa
chỗ nì chí tìm cái
lố.

Mắt a síc dễ lố
quô thau, chúng
mây hầu phán,
hàỵ ăm hàỵ nì?

Hàỵ ting lố, tú
mây hầu phán.

Khưi hàỵ ý sảng
Pèng dân iu sảng
ý sảng.

Ý sảng sì sì pỉ hầu
phủ kê dưọc sủi
quô pèng dân dăm.

Cấm dật hầu phán
mây nì?

Không có sức
Khó nhọc
Miệng khô

Nó thấy miệng đắng,
vả lại miệng khô nữa.
Coi bộ nó khó nhọc
lắm, có phải nó yếu
sức chăng?

Không có tinh thần
(sức khỏe) không
làm được việc.

Bữa nay thật là mệt
nhọc quá.

Làm sao mệt nhọc
thế?

Hôm qua tôi đã nói
cho ông biết tại làm
sao rồi.

Làm sao vậy? Ăn
nhiều quá (nên sinh
bệnh), bây giờ vẫn
chưa khỏi hẳn, có
phải không?

Phải rồi. Vẫn chưa
khỏi hẳn.

Ông ấy là thầy thuốc.
Người bệnh phải mời
thầy thuốc.

Thầy thuốc bao giờ
cũng cho thứ thuốc
nước rất đắng cho
người bệnh uống.

Bữa nay khỏi hẳn
chưa?

MỜI XUẤT BẢN

NÔNG-LÂM HÓA-HỌC KỸ NGHỆ

MỘT CUỐN SÁCH DẠY NGHỀ RẤT THIẾT DỤNG
AI AI CŨNG CẦN PHẢI CÓ

Trong có những mục :

cách làm đường, cách ép dầu (dầu dừa, dầu thầu dầu) cách làm
sà phòng (sà phòng trắng, sà phòng rửa mặt) — cách làm nển.
Nghề nhuộm : cách dệt và đánh trắng vải bông — cách
chui tơ — cách dệt vải bông — cách dệt tơ nhân tạo.
Thuốc nhuộm (tính chất các phẩm nhuộm, thuốc cầm màu).
Cách nhuộm vào vải bông, tơ, len. Nhuộm thâm — Nhuộm vải tây
đỏ — Hồ vải — Những điều phải biết trước khi tẩy vết bẩn ;
cách đánh các vết bẩn dây vào những hàng nhuộm mùi v v.

Sách dày non 90 trang — Giá bán thực rẻ : 0\$20

Mua một quyển gửi bằng timbres postes cũng được

CHO : ĐÔNG-TÂY ẤN QUÁN 193, PHỐ HÀNG BÔNG — HANOI

thêm tiền cước thường 0\$06

hotel

TAM-KỶ

KHÁCH LẦU

Nº 7 À 27 BOULEVARD GALLIÉNI

Nº 67 À 69 COLONEL GRIMAUD

Nº 105 À 171 & 178 À 182 RUE

BOURDAIS SAIGON —

GIÁ HẠ MÁT MỀ VÀ SẠCH SẼ



CHỦ NHƠN : Huỳnh huệ Kỳ

BÁO PHONG - HÓA

do ông

NGUYỄN-TƯỜNG-TAM

LÀM CHỦ - NHIỆM

Mời chấn chỉnh lại

khác hẳn trước



Cần thiết

hoạt động vui vẻ

8 hay 12 trang (khổ nhật trình)

GIA : 7 xu

TIỂU THUYẾT NÊN ĐỌC

Bể trần chìm nổi

(Gia đình tiểu thuyết) giá 0\$12

2° Giời có mắt

(Luân lý tiểu thuyết) giá 0\$12

3° Cùng bạn thoa quần

(Cảnh hế tiểu thuyết) giá 0\$12

Có bán ở ĐÔNG - TÂY ẤN - QUÁN

193 Phố hàng Bông — Hanoi

Mua cả 3 quyển gửi bằng timbres
postes cũng được, cả cước 0\$18.



Đây là ảnh
M. NGUYỄN-TIẾN LĂNG
Tác - giả cuốn

Eurydice

đã được giải thưởng
của Tạp chí Indochine
ở SAIGON

Cuốn này nhà in Đông
Tây mới xuất bản, in
một bên chữ Tây, một
bên Quốc Ngữ nhan là

Tình xưa

do tác-giả tự diễn nôm

Sách dày 72 trang, giá
0\$25, Cước recomm. 0 13
Cước thưởng 0.03. — Gửi
bằng timbres postes cũng
được cho : Đông - tây
ấn quán. 193, phố
hàng Bông — HANOI

Một quyển sách nhà nào cũng cần phải có ấy là cuốn :

NAM NỮ TU TRI

男
女
須
知

Trong có những mục như :

TỔNG LUẬN VỀ NAM NỮ ÁI TÌNH VÀ Ý NGHĨA SỰ GIAO
HỢP — CÁCH ĐỀ PHÒNG KHI XUÂN TÌNH PHÁT ĐỘNG. Kinh
nguyệt. NHỮNG ĐIỀU CON TRAI NÊN CHÚ Ý ĐÊM HÔM MỚI
CƯỚI, TRẠNG HUỐNG KHI THỤ THAI, Nguyên nhân thành
thai, kết thành nam thai hay nữ thai. Những nguyên
nhân có con và cách chữa cho có con Hôn nhân vệ
sinh, những điều đàn bà sắp đẻ nên biết v. v.

Sách dày gần 100 trang giá 0\$25

Ở xa gửi thêm cước đảm bảo 0\$13, cước thưởng 0\$03
Có thể gửi bằng timbres postes cũng được. cứ đề
Đông - Tây Ấn - quán, 193 phố hàng Bông — HANOI